

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ ÁN

**XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2026- 2030,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

Hà Nội, tháng 7 năm 2026

PHẦN A. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Đề án

Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật là yêu cầu khách quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phát triển đất nước nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, việc hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật không chỉ là yêu cầu đối với mỗi cá nhân, tổ chức mà còn là điều kiện bảo đảm để pháp luật thực sự trở thành chuẩn mực điều chỉnh hành vi xã hội.

Mặc dù công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và tổ chức thi hành pháp luật đã đạt nhiều kết quả tích cực, song khoảng cách giữa nhận thức pháp luật và hành vi tự giác tuân thủ pháp luật vẫn còn lớn. Ở nhiều nơi, việc chấp hành pháp luật vẫn chủ yếu dựa vào cơ chế quản lý hành chính, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, trong khi việc hình thành niềm tin pháp luật, ý thức tự giác và chuẩn mực ứng xử pháp lý trong đời sống xã hội chưa thực sự bền vững. Đây chính là khoảng trống cần được giải quyết bằng một Đề án có tính tổng thể, liên ngành và dài hạn về xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

Pháp luật chỉ thực sự phát huy hiệu lực khi được chuyển hóa thành niềm tin, thói quen và chuẩn mực ứng xử của xã hội. Nếu pháp luật chỉ dừng lại ở các quy phạm bắt buộc mà chưa trở thành giá trị văn hóa thì chi phí tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm sẽ luôn lớn; hiệu quả quản trị quốc gia khó đạt được như mong muốn. Vì vậy, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật chính là quá trình chuyển hóa từ quản lý xã hội bằng hành chính sang quản trị xã hội trên nền tảng pháp quyền và văn hóa pháp lý.

1. Căn cứ chính trị

Trong những năm đầu thập kỷ của thế kỷ XX, khái niệm “*văn hóa tuân thủ pháp luật*” chưa được đề cập một cách trực tiếp, song tinh thần cốt lõi về thượng tôn pháp luật và yêu cầu giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân đã được Đảng đề ra trong một số văn kiện của Đảng. Cụ thể, Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư nêu rõ: “*mỗi cán bộ, đảng viên phải xác định việc tìm hiểu, học tập pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, là một trong những tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên; thông qua việc gương mẫu chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên mà thuyết phục, giáo dục quần chúng, thành viên trong gia đình ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật*”. Kết luận số 80-KL/TW¹ nhấn mạnh “*ý thức chấp hành pháp luật là thước đo hiệu quả công tác phổ biến,*

¹ Ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

giáo dục pháp luật”. Nghị quyết số 33-NQ/TW² yêu cầu xây dựng con người Việt Nam với mục tiêu “*Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân và ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước*”.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục nhấn mạnh vai trò của việc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đây là nội dung quan trọng của văn hóa tuân thủ pháp luật. Một trong những nhiệm vụ cụ thể trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Nghị quyết xác định rõ là “*Xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong hệ thống chính trị và toàn xã hội*”.

Đặc biệt, văn hóa tuân thủ pháp luật là thuật ngữ được đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm nhắc đến tại buổi thăm và làm việc với Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp (nay là Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp) vào ngày 07/11/2024. Tại buổi làm việc, đồng chí Tổng Bí thư đã đặt yêu cầu cho Lãnh đạo và cán bộ, công chức Bộ, ngành Tư pháp trong việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đối với cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân trong xã hội. Các chỉ đạo này của đồng chí Tổng Bí thư đã được quy định tại Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp: “*Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, trước hết là trong cán bộ, đảng viên và cán bộ, đảng viên ngành Tư pháp*”,

Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, trên cơ sở tổng kết thực tiễn về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tham mưu xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 trong đó tiếp tục yêu cầu và nhấn mạnh nhiệm vụ “*tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật*”³. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu đưa nội dung này vào Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam nhằm khẳng định xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật không tách rời mà luôn đi cùng, đi liền với xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, gắn bó chặt chẽ và mật thiết với xây dựng và triển khai các hệ giá trị của đất nước,

² Ngày 16/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

³ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội.

từ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình đến hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới⁴.

Đặc biệt, tại Báo cáo chính trị Đại hội XIV, Đảng đã chủ trương: *“Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước gắn liền với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực quản lý, quản trị quốc gia và kiến tạo phát triển của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; tập trung xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật...”*. Đây là định hướng có ý nghĩa chiến lược, thể hiện bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy lãnh đạo của Đảng trong chú trọng xây dựng môi trường văn hóa pháp lý, trong đó việc tuân thủ pháp luật trở thành một giá trị cốt lõi, một chuẩn mực ứng xử phổ biến trong toàn xã hội.

Bên cạnh đó, còn nhiều chủ trương, định hướng khác của Đảng mới được ban hành đã đề ra một số yêu cầu, mục tiêu có liên quan trực tiếp đến văn hóa tuân thủ pháp luật. Cụ thể như đổi mới công tác giáo dục của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc gia có nội dung về *“pháp luật”*⁵; đánh giá doanh nghiệp tư nhân theo chuẩn quốc tế dựa trên các tiêu chí, trong đó có tiêu chí về *“mức độ tuân thủ pháp luật”*⁶...

2. Căn cứ pháp lý

Điều 46 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: *“Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng”*.

Nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về xây dựng ý thức, văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội, Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) như Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2016... Đặc biệt, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 được Quốc hội thông qua nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về tăng cường công tác PBGDPL trong Nhân dân, góp phần nâng cao ý thức pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội, cụ thể: Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012 quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc đưa pháp

⁴ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam: Chú trọng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại, trong đó có nội dung “nâng cao văn hoá thượng tôn pháp luật từ gia đình, nhà trường, đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên nền tảng đạo đức, luật pháp, chuẩn mực xã hội và giá trị truyền thống, tinh thần đoàn kết, sẻ chia, tương thân, tương ái, trách nhiệm xã hội. Xây dựng môi trường thông tin số lành mạnh, nâng cao ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân trong không gian số; ban hành bộ quy tắc ứng xử trên không gian số; làm trong sạch môi trường văn hoá số”.

⁵ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo: Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới, trong đó có nội dung “đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hóa, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh”.

⁶ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

luật vào đời sống, nâng cao nhận thức cộng đồng: “*Công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật.*” (Khoản 1 Điều 2). Theo đó nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật tập trung vào “*Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.*” (Khoản 3 Điều 10). Đồng thời, Luật cũng quy định: “*Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu chấp hành pháp luật; ông, bà, cha, mẹ có trách nhiệm giáo dục và tạo điều kiện cho con, cháu tìm hiểu, học tập pháp luật, rèn luyện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật*” (Điều 32). Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang nhân dân “*Tích cực tìm hiểu, học tập pháp luật; tham gia các khóa học, lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về pháp luật; gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật*” (Khoản 1 Điều 34)...

Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định “*Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội*”.

Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung và ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, xác định nhiệm vụ trọng tâm là: “*Đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân*”.

Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, đoàn thể trung ương liên quan tham mưu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ “*Đề án Văn hóa trong tuân thủ luật pháp*”.

3. Căn cứ thực tiễn (tính cấp thiết)

Cục diện thế giới và khu vực diễn biến khó lường, chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng. Xung đột, chiến tranh, chạy đua vũ trang công nghệ cao diễn ra ở nhiều khu vực. Luật pháp quốc

tế và các thể chế đa phương tiếp tục là phương thức quan trọng trong ngăn ngừa và giải quyết các vấn đề toàn cầu, hoà bình, các tranh chấp, xung đột, song đang đối mặt với nhiều trở ngại lớn. Các thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng sẽ làm phát sinh nhiều vấn đề mới như tội phạm công nghệ cao, an ninh mạng, rủi ro xã hội trên không gian số.

Tại Việt Nam, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố vững mạnh; năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng cao; công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh; Nhà nước pháp quyền XHCN ngày càng phát huy vai trò, thực sự là nhà nước "của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân"; nền dân chủ XHCN sẽ tiếp tục được củng cố, mở rộng. Cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cùng với những quyết sách chiến lược quan trọng, trong đó có đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế; đột phá về phát triển giáo dục, đào tạo... Các giá trị, bản sắc văn hoá tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn, phát huy, thống nhất trong đa dạng; sức mạnh mềm của văn hoá tiếp tục được phát huy hiệu quả; môi trường và đời sống văn hoá ngày càng phong phú, văn minh, lành mạnh.

Trong kỷ nguyên mới, các chuẩn mực ứng xử và những hệ giá trị quốc gia, gia đình hay của con người đặt ra yêu cầu không chỉ tiếp tục kế thừa mà còn phát triển cho phù hợp, kết hợp hài hòa các giá trị truyền thống và hiện đại, giữa giá trị cá nhân và giá trị xã hội, trong đó có giá trị pháp quyền. Cùng với đó, các vấn đề xã hội phát sinh ngày càng đa dạng, phức tạp; chênh lệch phát triển giữa các vùng, nhóm dân cư còn tồn tại. Sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng và xã hội số vừa tạo cơ hội, vừa làm nảy sinh nhiều thách thức đối với việc giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và bảo đảm an ninh con người; đòi hỏi nâng cao năng lực thực thi pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, không có "vùng cấm", không có ngoại lệ,

Bối cảnh trên đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu cao hơn đối với xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, văn minh, hài hòa, phát triển, môi trường xã hội ổn định, mọi thành viên xã hội đều tôn trọng pháp luật và bảo vệ giá trị chung đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

II. Thực trạng tuân thủ pháp luật hiện nay

Việc đánh giá thực trạng nhằm làm rõ mức độ hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật ở nước ta hiện nay; xác định những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn

chế và nguyên nhân chủ yếu để làm cơ sở đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

1. Kết quả đạt được

1.1. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp có chuyển biến tích cực

Ý thức tôn trọng, tuân thủ, chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân trong thời gian qua đã được nâng lên, có chuyển biến rõ nét, từng bước chủ động, tự giác, tích cực tìm hiểu, chấp hành pháp luật để vận dụng vào thực tiễn, không chỉ tuân thủ pháp luật trong sinh hoạt, lao động, sản xuất mà hỗ trợ người thân, thành viên gia đình và người xung quanh nâng cao hiểu biết pháp luật. Nhiều tổ chức, cá nhân đóng vai trò như những “hạt nhân lan tỏa” tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong cộng đồng, góp phần tạo nên môi trường sống có kỷ cương và trật tự. Nhiều cá nhân là điển hình trong tuân thủ, chấp hành pháp luật đã được các cấp, các ngành tôn vinh thông qua việc tôn vinh, khen thưởng trong đó có tôn vinh “Gương sáng pháp luật”⁷. Tính đến hết năm 2025, đã có hơn 200 gương sáng pháp luật tiêu biểu trên toàn quốc, thuộc nhiều lứa tuổi, ngành nghề khác nhau: từ nông dân, công nhân, cựu chiến binh cho đến luật sư, nhà giáo... đã được tôn vinh.

Việc sử dụng pháp luật như một công cụ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ngày càng được người dân, doanh nghiệp quan tâm và trở nên phổ biến hơn, được thể hiện qua tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, không có căn cứ pháp lý đã giảm đáng kể. Số lượng lượt tra cứu, khai thác văn bản VBQPPL, thông tin pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu, cổng/trang thông tin điện tử hoặc internet, mạng xã hội đã tăng lên. Báo cáo tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2025 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đánh giá công tác xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin pháp luật của người dân và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Việc tra cứu cơ sở dữ liệu này đã được đông đảo cán bộ, người dân thực hiện phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật, công tác, nghiên cứu, học tập. Các bộ, ngành và nhiều tỉnh, thành đã cập nhật 100% VBQPPL còn hiệu lực với tỉ lệ cập nhật đúng hạn trên 90%.

Các diễn đàn, hoạt động đối thoại chính sách, pháp luật cũng nhận được sự quan tâm, tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp, doanh nhân⁸. Giáo dục pháp luật trong nhà trường được chú trọng triển khai ở tất

⁷ Đây là Chương trình được Bộ Tư pháp tổ chức định kỳ vào năm 2021, 2023, 2025.

⁸ Theo báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025, các bộ, ngành, địa phương tổ chức khoảng 5156 hội thảo, tọa đàm hội nghị, lớp tập huấn, diễn đàn liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho DNNVV; cung cấp, phát hành khoảng 3.638.982 tài liệu liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho DNNVV thể hiện đa dạng dưới nhiều hình thức.

cả các cấp học. Các kiến thức về nhà nước pháp quyền, quyền, nghĩa vụ của công dân được tích hợp, đưa vào chương trình học của môn học Đạo đức (ở cấp Tiểu học), Giáo dục công dân (ở cấp Trung học cơ sở), Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp Trung học phổ thông), môn Pháp luật đại cương ở các trường trung cấp, cao đẳng và đại học không chuyên luật. Ngoài ra, các kiến thức pháp luật gắn gũi với lứa tuổi học sinh như: an toàn giao thông, bạo lực học đường, bạo lực gia đình... cũng được chú trọng lồng ghép trong các chương trình ngoại khóa ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức phong phú như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, phiên toàn giả định, sinh hoạt pháp luật trong buổi chào cờ đầu tuần... đã góp phần hình thành ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật từ sớm trong mỗi công dân.

Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức cơ bản đã nghiêm chỉnh chấp hành, tuân thủ pháp luật trong thực hiện trách nhiệm công vụ và trong đời sống hàng ngày, thể hiện rõ hơn vai trò gương mẫu trong tuân thủ pháp luật. Việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, cùng với cải cách thủ tục hành chính, minh bạch hóa quy trình công vụ, đã góp phần củng cố niềm tin của người dân vào công lý và hiệu lực của pháp luật. Đây chính là cơ sở để tạo dựng môi trường pháp lý công bằng – nền tảng không thể thiếu cho việc xây dựng và phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội.

Hành vi vi phạm pháp luật từng bước kéo giảm. Tội phạm, vi phạm pháp luật trong những năm gần đây được tăng cường chuyển hướng xử lý thông qua những biện pháp mang tính nhân văn cao, chú trọng giáo dục, phục vụ tái hòa nhập cộng đồng, góp phần giữ gìn, bảo đảm sự ổn định về an ninh, trật tự an toàn xã hội. Các vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn thực phẩm, trật tự xã hội,... đều được phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời, có xu hướng giảm theo từng năm⁹.

1.2. Việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong các cơ quan, tổ chức, địa phương đã được chú trọng triển khai thông qua tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại, tôn vinh

Trong các văn bản, quy định của Đảng, Nhà nước luôn coi trọng và đề cao ý thức, trách nhiệm, tinh thần kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ đối với tổ chức đảng, đảng viên và cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức thông qua xác định rõ tiêu chí về chấp hành pháp luật trong đánh giá, xếp loại hằng năm. Đối với cán bộ, công chức, đảng viên, một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ hằng năm có tiêu chí về chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đối với cơ quan, tổ chức, một trong

⁹ Theo số liệu về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm năm 2025 (từ ngày 15/12/2024 đến 14/12/2025), về phạm tội về trật tự xã hội, toàn quốc xảy ra 48.011 vụ, khám phá 37.382 vụ, bắt giữ, xử lý 76.328 đối tượng; tỷ lệ khám phá đạt 77,86%; triệt phá 39 băng, nhóm. So với năm 2024, giảm 16.341 vụ (25,39%), số vụ khám phá giảm 11.334 vụ (23,27%), số đối tượng bắt giữ, xử lý giảm 16.915 đối tượng (18,14%); tỷ lệ khám phá tăng 2,16%; giảm 30 băng, nhóm bị triệt phá (43,48%). Về số vụ phạm tội về môi trường, an toàn thực phẩm: toàn quốc xảy ra 488, so với năm 2024 giảm 135 vụ (21,67%),... (Số liệu về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm năm 2025: <https://bocongan.gov.vn/bai-viet/so-lieu-ve-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-nam-2025-1774611621>).

những tiêu chí, xếp loại, đánh giá chi bộ, cơ quan, tổ chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là không có đảng viên, cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật.

Việc đánh giá xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg¹⁰ đã xác định rõ mục đích nhằm góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Các tiêu chí đánh giá về công tác xây dựng, thi hành pháp luật đều hướng tới yêu cầu thực hiện đúng quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật trung bình cả nước, năm 2022 đạt tỷ lệ 93,8%; năm 2023 đạt tỷ lệ 94.7%; năm 2024 đạt tỷ lệ 96.9%, qua đó cho thấy việc thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ dựa trên tiêu chí tuân thủ pháp luật đã được chú trọng, hướng tới chính quyền gần dân và phục vụ Nhân dân, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Đối với doanh nghiệp, trong đánh giá, tôn vinh, biểu dương các danh hiệu, giải thưởng về doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu, điển hình cũng có tiêu chí về không nợ thuế, không nợ bảo hiểm xã hội của người lao động... Nhất là tới đây, theo tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW¹¹, việc đánh giá doanh nghiệp tư nhân được tiến hành theo theo chuẩn quốc tế dựa trên các tiêu chí, trong đó có tiêu chí về mức độ tuân thủ pháp luật.

Trong lĩnh vực văn hóa, yêu cầu về thượng tôn pháp luật đã được triển khai khi đánh giá, bình xét các danh hiệu về gia đình văn hóa; thôn, tổ dân phố văn hóa; xã, phường, thị trấn tiêu biểu. Để đạt danh hiệu gia đình văn hóa¹², một trong các tiêu chuẩn mà gia đình phải đáp ứng là gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không xét tặng gia đình văn hóa nếu có thành viên trong gia đình bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không hoàn thành nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ nộp thuế hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn; vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng; bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm quy định về trật tự công cộng; hành vi đánh bạc trái phép; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình. Danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa và cấp xã tiêu biểu cũng quy định phải đạt tiêu chuẩn về tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.3. Công tác truyền thông chính sách, PBGDPL có nhiều đổi mới theo hướng thực chất, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số góp phần đáp ứng nhu cầu tiếp cận pháp luật của người dân, doanh nghiệp

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách cho công tác PBGDPL. Công tác này đã được xác định là một bộ phận của công

¹⁰ Ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

¹¹ Theo Nghị quyết: Lấy đạo đức, văn hóa kinh doanh làm cốt lõi, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật. Đánh giá doanh nghiệp tư nhân theo chuẩn quốc tế dựa trên các tiêu chí cốt lõi: (1) Mức độ tuân thủ pháp luật, (2) Giải quyết công ăn việc làm, (3) Đóng góp vào ngân sách nhà nước và (4) Tham gia các hoạt động an sinh xã hội

¹² Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ

tác giáo dục chính trị - tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt¹³. Đồng thời, công tác PBGDPL còn là nội dung quan trọng của công tác thi hành pháp luật, đưa chính sách, pháp luật đi vào đời sống thực tiễn.

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật¹⁴, hằng năm, các bộ, ngành, cơ quan, địa phương đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL; việc chỉ đạo, định hướng, triển khai các hoạt động quán triệt, phổ biến, xây dựng tài liệu phục vụ PBGDPL đối với các văn bản mới ban hành được chú trọng, kịp thời, theo sát các kỳ họp Quốc hội. Công tác truyền thông chính sách, dự thảo VBQPPL, nhất là chính sách, văn bản có tác động lớn đến xã hội Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" được chú trọng triển khai, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tham gia ý kiến đóng góp, bảo đảm truyền thông kịp thời, từ sớm, từ xa nhằm nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, tạo sự đồng thuận xã hội. Nội dung, hình thức PBGDPL phong phú, đa dạng, cơ bản đã bám sát nhu cầu thực tiễn, chú trọng các hình thức mới theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Người dân, doanh nghiệp được tiếp cận kịp thời pháp luật của Nhà nước. Trong 13 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, toàn quốc đã tổ chức 3.602.879 cuộc PBGDPL trực tiếp cho 492.668.870 lượt người; biên soạn và cấp phát miễn phí 277.109.631 tài liệu PBGDPL, trong đó có 1.978.186 tài liệu phổ thông được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài. Thực hiện chủ trương tổ chức thực hiện PBGDPL hướng mạnh về cơ sở, phát huy thế mạnh của phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt ở cấp xã, trong giai đoạn 2022-2025, cả nước có 592.655 lượt phát sóng trên đài truyền thanh xã; đồng thời số lượng tin bài, chuyên trang, chuyên mục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương được cải tiến, tăng về số lượng, nâng cao chất lượng với hơn 5,5 triệu lượt tin bài pháp luật và hơn 30.000 chuyên trang, chuyên mục về pháp luật¹⁵.

Hiện có 396 tài liệu giới thiệu Luật, Pháp lệnh được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng và đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan và Cổng thông tin PBGDPL quốc gia. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật kể từ khi đưa vào khai thác, sử dụng từ năm 2013 đến 3/2026 đã cập nhật được 153.491 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và 1.954 văn bản hợp nhất. Trong đó, các cơ quan Trung ương đã cập nhật 46.262 VBQPPL và 1.954 văn bản hợp nhất; các

¹³ Chi thị số 32-CT/TW, Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư.

¹⁴ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/6/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

¹⁵ Báo cáo số 400 /BC-BTP ngày 08/6/2026 của Bộ Tư pháp

cơ quan ở địa phương đã cập nhật 107.229 VBQPPL. Số lượt truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật khoảng 30.000 lượt/ngày. Cổng Pháp luật quốc gia được đưa vào vận hành từ 31/5/2025 đến ngày 27/5/2026 đã thu hút 3.041.332 lượt truy cập; có 289.972 câu hỏi được AI pháp luật trả lời.

Các cơ quan, địa phương đã đổi mới công tác PBGDPL; chú trọng hơn trong lựa chọn nội dung PBGDPL phù hợp và sử dụng hình thức truyền thống hiệu quả và các hình thức mới, hiện đại như: Tổ chức hội nghị tập huấn pháp luật, kỹ năng PBGDPL trực tuyến, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến, xây dựng tài liệu PBGDPL theo phương thức mới (video ngắn, infographic, sách điện tử...), ứng dụng trí tuệ nhân tạo; thông qua cổng/trang thông tin điện tử, nền tảng số, mạng xã hội (zalo, facebook, fanpage, tiktok...); xây dựng tủ sách pháp luật điện tử, qua đó tạo dựng kênh tra cứu hữu ích, giúp người dân tiếp cận thông tin pháp luật nhanh chóng, kịp thời.

Công tác phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục được tăng cường. Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng, phát sóng Chuyên mục Tiêu điểm chính sách vào 7h00 thứ 7 hàng tuần trên kênh VTV1 từ ngày 08/11/2025. Đến ngày 27/6/2026, Chuyên mục đã phát sóng 31 số truyền thông chính sách, PBGDPL, kết quả thực hiện các giải pháp xử lý điểm nghẽn trong VBQPPL. Các hoạt động truyền thông cũng được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, chú trọng vùng sâu, vùng xa, đối tượng yếu thế, bảo đảm tính bao trùm và hiệu quả thực chất.

Nhiều địa phương đã triển khai các mô hình PBGDPL sáng tạo và hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và hành vi pháp lý trong cộng đồng. Điển hình như các đội, nhóm nòng cốt tư vấn pháp luật và vận động Nhân dân chấp hành pháp luật (Cần Thơ); xây dựng quy ước dòng họ, nhà thờ, nhà chùa, thôn, ấp, cụm dân cư để giáo dục và xử lý người vi phạm pháp luật (Bắc Ninh, Hà Nội...); ký cam kết không vi phạm pháp luật; thành lập “địa chỉ tin cậy” chuyên tư vấn pháp luật tại cơ sở (Đắk Lắk); xây dựng điểm tập hợp tôn giáo, dân tộc làm nơi giao lưu học tập pháp luật (Tuyên Quang); mô hình “Quán cà phê pháp luật” (Cần Thơ, Tây Ninh); “Tổ tư vấn pháp luật” Đoàn Biên phòng (Bộ Quốc phòng); “Tổ tư vấn nhà trọ công nhân” tại khu vực có nhiều công nhân (Thành phố Hồ Chí Minh); lồng ghép PBGDPL qua các phiên chợ vùng cao (Hội Nông dân Việt Nam, Tuyên Quang), tại các buổi sinh hoạt khu dân cư, buổi họp khu phố (Cà Mau); lồng ghép vào các lễ hội truyền thống của địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh); họp từng tộc họ của đồng bào dân tộc Chăm (Khánh Hòa); lồng ghép hoạt động văn nghệ truyền thống đờn ca tài tử (Đồng Tháp); lồng ghép trong ngày hội “Đại đoàn kết toàn dân” (Phú Thọ); “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Khóm, ấp văn hóa” (Bắc Ninh)... Những mô hình này không chỉ khắc phục sự khô khan của hình thức

tuyên truyền pháp luật truyền thông, mà còn kết nối chặt chẽ giữa hiểu biết pháp luật và thực hành trong đời sống thường nhật.

Các kết quả trên cho thấy quy mô PBGDPL đã được mở rộng đáng kể. Tuy nhiên, các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh khối lượng hoạt động, chưa phản ánh đầy đủ mức độ chuyển biến về nhận thức, niềm tin pháp luật và hành vi tự giác tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là hạn chế chung của công tác đánh giá hiệu quả PBGDPL hiện nay.

Có thể khẳng định, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, PBGDPL trong thời gian qua đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội. Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chủ yếu tập trung vào việc nâng cao khả năng tiếp cận thông tin pháp luật, trong khi quá trình chuyển hóa từ nhận thức pháp luật thành niềm tin pháp luật, từ niềm tin thành hành vi tự giác và từ hành vi thành chuẩn mực văn hóa vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

a) Chưa hình thành được hệ giá trị chung về văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội. Việc tuân thủ pháp luật ở nhiều nơi vẫn chủ yếu dựa trên yêu cầu quản lý của Nhà nước hoặc nguy cơ bị xử lý vi phạm, chưa thực sự được tự nguyện thực hiện.

b) Bất cập từ hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các VBQPPL dưới luật, một số quy định chưa rõ ràng hoặc thiếu tính khả thi thực tế, gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất. Số lượng VBQPPL lớn và liên tục được sửa đổi, bổ sung tạo nên rào cản lớn cho người dân, doanh nghiệp trong việc cập nhật, tiếp cận và tự giác chấp hành một cách hệ thống¹⁶.

c) Tổ chức thi hành pháp luật có mặt hạn chế

Khâu tổ chức thi hành pháp luật vẫn được đánh giá là khâu yếu, việc giám sát thực thi pháp luật ở một số cấp, ngành, địa phương còn hạn chế hoặc thiếu tính liên tục. Đáng chú ý, ở một số nơi, việc chấp hành pháp luật của chính đội ngũ thực thi công vụ chưa thật sự gương mẫu; vẫn còn tình trạng né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc, gây phiền hà hoặc xử lý thiếu thống nhất; hiện tượng nhũng nhiễu, tiêu cực, lạm quyền hoặc thờ ơ trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn xảy ra, chưa được ngăn chặn triệt để. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của người dân đối với pháp luật và cơ quan công quyền.

¹⁶ Trên cơ sở kết quả rà soát của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật và các bộ, ngành đã thực hiện từ năm 2020 đến năm 2024, các bộ, ngành đã thực hiện và hoàn thành việc xử lý, tham mưu xử lý đối với 996 kiến nghị tại 345 văn bản; đang nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý đối với các kiến nghị tại 240 văn bản.

Tại Báo cáo chính trị tại Đại hội XIV, Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra các hạn chế, yếu kém cần khắc phục trong tổ chức thi hành pháp luật, trong đó có nội dung *“công tác tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có nhiều đổi mới, cách làm hay, song vẫn chưa bắt kịp với yêu cầu phát triển đột phá của đất nước”*; *“công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có lúc, có nơi chưa sát thực tiễn, thiếu chiều sâu”*; *“một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo, phai nhạt lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm những điều đảng viên không được làm, vi phạm pháp luật”*; *“tổ chức thi hành pháp luật còn chưa tốt”*...

d) Ý thức chấp hành pháp luật chưa đồng đều

Trong xã hội vẫn tồn tại thói quen tùy tiện, xem nhẹ pháp luật, thậm chí coi thường kỷ cương. Tình trạng tuân thủ pháp luật mang tính đối phó, gượng ép nhằm tránh bị cơ quan chức năng xử lý còn khá phổ biến, chưa chuyển hóa thành hành vi tự giác xuất phát từ niềm tin nội tâm. Khi vắng bóng lực lượng chức năng hoặc thiếu cơ chế giám sát trực tiếp, các hành vi vi phạm lại có xu hướng tái diễn.

đ) Cơ chế phản biện, đánh giá tác động chưa thực chất

Quá trình phản biện xã hội và lấy ý kiến góp ý của đối tượng chịu sự tác động đối với các dự thảo chính sách tại một số cơ quan soạn thảo còn mang tính hình thức, chưa sát thực tế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tính khả thi của văn bản sau khi ban hành, khiến quá trình tuân thủ gặp nhiều trở ngại ngay từ khâu tiếp cận ban đầu.

e) Sự gia tăng của các hành vi vi phạm pháp luật phức tạp

Tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Đặc biệt, sự xuất hiện của các tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo qua không gian số, tài khoản ảo gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế và người dân. Các hành vi trốn thuế, gian lận hóa đơn trong thương mại điện tử, vi phạm an toàn thực phẩm, vi phạm trong hoạt động xuất bản vẫn diễn ra thường xuyên. Tình trạng trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật có xu hướng gia tăng đáng báo động¹⁷.

¹⁷ Theo kết quả giám sát tình hình vi phạm pháp luật ở trẻ vị thành niên của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội từ ngày 01/01/2018 – 31/12/2023 tại 30 quận, huyện, thị xã cho thấy, lực lượng Công an đã phát hiện 858 vụ với 3.150 đối tượng là người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật, chiếm 3,4% tổng số vụ phạm pháp hình sự xảy ra. Năm 2018, cơ quan chức năng phát hiện 100 vụ, 204 đối tượng, đến năm 2023 con số này đã tăng lên 231 vụ với 1.390 đối tượng (tăng 642% so với năm 2018). Điều đáng lo ngại là hình thức phạm tội ngày càng đa dạng, mạnh động và nguy hiểm hơn. Trong số 858 vụ, 3.150 đối tượng là người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật thì các loại tội phạm chủ yếu là giết người, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản, giao cấu với trẻ em, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, tổ chức đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy...

Số liệu thống kê của các cơ quan chức năng cũng cho thấy, độ tuổi vi phạm pháp luật ngày càng trẻ hóa, cụ thể: “Dưới 14 tuổi chiếm 2,1%, từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chiếm 25,3%, từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chiếm 72,6%. Tình trạng học sinh vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng, trong số 3.150 đối tượng vi phạm pháp luật dưới 18 tuổi thì có 1.278 đối tượng đã bỏ học (chiếm hơn 40%), còn lại là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường

2.2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật thời gian qua xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó chủ yếu là các nguyên nhân sau:

a) Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa tuân thủ pháp luật chưa thật sự đầy đủ và thống nhất. Ở một số cấp, ngành, địa phương, nhận thức về xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật vẫn chủ yếu gắn với hoạt động PBGDPL hoặc xử lý vi phạm pháp luật, chưa được nhìn nhận là một nội dung của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản trị quốc gia và phát triển văn hóa. Vì vậy, việc lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện ở một số nơi chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

b) Mặc dù đã có nhiều chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật, PBGDPL và xây dựng đời sống văn hóa, nhưng chưa có cơ chế tổng thể, thống nhất để định hướng xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; chưa có bộ tiêu chí, phương pháp đánh giá và cơ chế theo dõi kết quả thực hiện. Điều này dẫn đến việc triển khai ở các bộ, ngành, địa phương còn phân tán, thiếu liên kết và chưa tạo được tác động lan tỏa.

c) Việc tổ chức thi hành pháp luật ở một số nơi còn thiếu đồng bộ; vẫn còn tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn, thực thi pháp luật chưa nghiêm, việc giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực còn gây phiền hà. Những yếu tố này ảnh hưởng đến niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với pháp luật và cơ quan nhà nước, từ đó tác động đến việc hình thành ý thức tự giác tuân thủ pháp luật.

d) Việc PBGDPL ở nhiều nơi vẫn chủ yếu tập trung vào truyền đạt quy định pháp luật, chưa chú trọng đến việc hình thành niềm tin pháp lý, thay đổi hành vi và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Nội dung, hình thức truyền thông, PBGDPL ở một số lĩnh vực còn thiếu tính tương tác, chưa khai thác hiệu quả công nghệ số và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật của từng nhóm đối tượng. Chưa có chính sách cụ thể, phù hợp về PBGDPL cho một số nhóm đối tượng đặc thù, dẫn đến thực tế vẫn còn khoảng cách lớn trong nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật giữa các nhóm này so với các nhóm khác trong xã hội.

đ) Vai trò nêu gương và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy đầy đủ. Ở một số nơi, việc chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thật sự gương mẫu; trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật có nơi

(chiếm gần 60%)”. Những thực trạng đó không chỉ phản ánh mà còn gióng lên hồi chuông báo động về sự gia tăng đáng báo động của các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội hiện nay.

chưa được phát huy đầy đủ. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và sức lan tỏa của văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội.

e) Điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật còn chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn lực dành cho công tác PBGDPL, truyền thông chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở một số nơi còn hạn chế; đội ngũ làm công tác pháp luật chưa đồng đều về năng lực; việc huy động nguồn lực xã hội và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật còn chưa tương xứng với yêu cầu của giai đoạn mới. Chưa chú trọng xây dựng, triển khai các Phong trào, cuộc vận động chuyên đề nêu cao tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong xã hội, lan tỏa và nhân rộng tổ chức, cá nhân điển hình, gương mẫu chấp hành pháp luật.

g) Sự phát triển nhanh của môi trường số, mạng xã hội và các phương thức giao dịch mới làm gia tăng các hành vi vi phạm pháp luật với phương thức ngày càng tinh vi; trong khi năng lực thích ứng của một bộ phận cơ quan, tổ chức và người dân còn hạn chế. Điều này tạo ra những thách thức mới đối với việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

Nhìn chung, các nguyên nhân nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Đặc biệt, việc chưa hình thành được cơ chế đồng bộ để gắn kết giữa xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, PBGDPL, xây dựng môi trường văn hóa pháp lý và phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nguyên nhân cốt lõi làm cho việc hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Vì vậy, Đề án cần tập trung vào các giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ và lấy việc hình thành ý thức tự giác tuân thủ pháp luật làm mục tiêu xuyên suốt.

3. Thuận lợi, thách thức trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật

3.1. Thuận lợi

a) Chủ trương, chính sách của Đảng, hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân thực hiện đúng quy định. Thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, PBGDPL; tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

b) Trình độ dân trí, nhận thức pháp luật của người dân được nâng lên rõ rệt, người dân ngày càng ý thức được việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp thông qua các công cụ pháp lý.

c) Chuyển đổi số giúp việc thông tin, tiếp cận pháp luật, thực hiện thủ tục hành chính và giám sát việc tuân thủ pháp luật trở nên thuận tiện, minh bạch hơn.

d) Hội nhập quốc tế thúc đẩy các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông và cộng đồng góp phần lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật.

e) Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao tạo tâm lý ổn định, củng cố lòng tin vững chắc vào các chính sách của Đảng và Nhà nước.

4.2. Thách thức

a) Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, người dân còn hạn chế, vẫn tồn tại tâm lý coi nhẹ hoặc né tránh pháp luật.

b) Thể chế, pháp luật vẫn chưa thật sự đồng bộ, thống nhất và ổn định. Một số quy định pháp luật còn chồng chéo, thay đổi thường xuyên, gây khó khăn trong việc cập nhật và áp dụng.

c) Việc thực thi pháp luật ở một số nơi chưa nghiêm, còn tình trạng xử lý chưa kịp thời hoặc thiếu thống nhất, làm giảm tính răn đe. Công tác PBGDPL chưa đồng đều, chưa hiệu quả ở một số nơi còn hạn chế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa hoặc trong một số nhóm đối tượng.

d) Tình trạng vi phạm pháp luật và tham nhũng vẫn diễn ra ở một số lĩnh vực, ảnh hưởng đến niềm tin và việc hình thành văn hóa tuân thủ.

đ) Áp lực cạnh tranh và lợi ích kinh tế khiến một số cá nhân, doanh nghiệp cố tình vi phạm pháp luật để giảm chi phí hoặc tăng lợi nhuận.

e) Sự phát triển nhanh của công nghệ và môi trường số làm phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật mới (lừa đảo trực tuyến, xâm phạm dữ liệu, vi phạm bản quyền...).

III. Phạm vi, đối tượng tác động và một số vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa tuân thủ pháp luật

1. Đối tượng tác động và phạm vi của Đề án

a) Phạm vi thực hiện: Đề án được triển khai trên phạm vi cả nước, từ trung ương đến địa phương, trong môi trường thực tế và không gian số. Đề án tập trung vào việc hình thành và phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và trong đời sống xã hội.

b) Đối tượng tác động:

Áp dụng đối với toàn bộ hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, học sinh, sinh viên và mọi tầng lớp Nhân dân trong xã hội.

2. Khái niệm

2.1. Khái niệm về văn hóa

Văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử, bao gồm tri thức, tín ngưỡng, đạo đức, pháp luật, phong tục, nghệ thuật và mọi thói quen, năng lực mà con người đạt được với thi các là thành viên xã hội.

2.2. Khái niệm tuân thủ pháp luật

Tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính kiểm chế, theo đó các chủ thể pháp luật (cá nhân, tổ chức) tự giác kiểm soát hành vi, không thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm. Đây là biểu hiện của ý thức tự giác nhằm giữ gìn kỷ cương xã hội.

2.3. Khái niệm văn hóa tuân thủ pháp luật

Văn hóa tuân thủ pháp luật được hiểu là tổng hòa các giá trị, chuẩn mực, tri thức, phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm phản ánh trình độ nhận thức, quan điểm, thái độ, niềm tin, hành vi chấp hành đúng quy định của pháp luật một cách chủ động, tự giác, trở thành thói quen của các chủ thể trong xã hội, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Các thành tố của văn hóa tuân thủ pháp luật

Văn hóa tuân thủ pháp luật được cấu thành bởi các thành tố cơ bản sau đây:

3.1. Nhận thức đúng về pháp luật và niềm tin pháp lý

Nhận thức pháp luật là nền tảng đầu tiên của văn hóa tuân thủ pháp luật. Mỗi cá nhân, tổ chức phải được tiếp cận đầy đủ, chính xác, kịp thời các quy định của pháp luật; hiểu đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của mình.

Tuy nhiên, hiểu biết pháp luật mới chỉ là điều kiện cần. Điều kiện quyết định để hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật là niềm tin pháp lý - niềm tin vào tính công bằng, minh bạch, nghiêm minh của pháp luật; vào hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước và khả năng pháp luật bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3.2. Thái độ tôn trọng pháp luật và hành vi ứng xử chuẩn mực

Thái độ tôn trọng pháp luật được thể hiện bằng việc coi pháp luật là chuẩn mực cao nhất trong điều chỉnh hành vi. Trên cơ sở đó, các chủ thể hình thành hành vi ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật ngay cả trong điều kiện không có sự giám sát hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; đồng thời sử dụng pháp luật như một công cụ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội.

3.3. Hình thành thói quen tự giác tuân thủ pháp luật

Văn hóa tuân thủ pháp luật chỉ được hình thành bền vững khi việc tuân thủ pháp luật trở thành thói quen ứng xử ổn định trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt hằng ngày.

Ở cấp độ này, việc tuân thủ pháp luật không phụ thuộc chủ yếu vào sự kiểm tra, giám sát hoặc nguy cơ bị xử lý vi phạm mà xuất phát từ nhận thức, trách nhiệm, danh dự và ý thức công dân của mỗi cá nhân, tổ chức.

3.4. Lan tỏa giá trị thượng tôn pháp luật và thúc đẩy trách nhiệm xã hội

Văn hóa tuân thủ pháp luật không dừng lại ở sự tự giác của từng cá nhân mà còn được thể hiện ở khả năng lan tỏa trong cộng đồng.

Mỗi cá nhân, cơ quan, tổ chức không chỉ gương mẫu chấp hành pháp luật mà còn tích cực tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người khác thực hiện pháp luật; chủ động phát hiện, phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần xây dựng môi trường xã hội đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

4. Các yếu tố tác động đến sự hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật

Văn hóa tuân thủ pháp luật chịu tác động của nhiều yếu tố; bên cạnh các yếu tố khách quan như kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa - xã hội, hội nhập quốc tế và khoa học - công nghệ, các yếu tố chủ quan xuất phát từ công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và ý thức tuân thủ của các chủ thể trong xã hội giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật.

4.1. Chất lượng của hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp với thực tiễn, chi phí tuân thủ thấp sẽ tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường niềm tin của người dân đối với pháp luật từ đó thúc đẩy hình thành thói quen sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Ngược lại, các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu tính khả thi hoặc xa rời đời sống xã hội làm gia tăng nguy cơ vi phạm.

4.2. Chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật có tác động lớn đến văn hóa tuân thủ pháp luật. Nếu thi hành pháp luật không nghiêm, không kịp thời hoặc thiếu công bằng làm cho người dân có tâm lý không tin, coi nhẹ pháp luật. Điều này làm suy giảm tính răn đe và tính thuyết phục của pháp luật. Ngược lại, các vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh, công bằng, nhất quán, bình đẳng cùng với sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, công chức trong chấp hành pháp luật giúp người dân có niềm tin, ý thức tuân thủ và có hành vi ứng xử đúng pháp luật.

Trong tổ chức thi hành pháp luật, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật. Tinh thần thượng tôn pháp luật, ý thức trách nhiệm, liêm chính, kỷ luật, kỷ cương và tính gương mẫu trong thực thi công vụ của đội ngũ này có tác động trực tiếp đến niềm tin của Nhân dân và sức lan tỏa của văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội.

4.3. Công tác PBGDPL đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật của người dân. Nội dung dễ tiếp cận, hình thức, cách thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn sẽ giúp người dân hiểu, nâng cao

ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó, hình thành thói quen tuân thủ pháp luật trong đời sống hàng ngày và ngược lại.

Giữa PBGDPL với giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ. Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố này sẽ tạo nền tảng bền vững để hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật.

4.4. Trình độ văn hóa, học vấn của các chủ thể, cá nhân trong xã hội có tác động quan trọng đến văn hóa tuân thủ pháp luật. Trình độ văn hóa thấp, cao; đồng đều hoặc không đồng đều giữa các nhóm dân cư hay giữa các vùng miền; tính đa dạng trong văn hóa dân tộc, văn hóa cộng đồng có ảnh hưởng đến văn hóa tuân thủ pháp luật.

Có thể khẳng định rằng ý thức và nhận thức cá nhân là yếu tố có tính nền tảng trong quá trình hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật. Đây là yếu tố quyết định việc tuân thủ pháp luật dựa trên sự tự giác hay do sự cưỡng chế. Khi nhận thức pháp luật đúng đắn được chuyển hóa thành niềm tin và thói quen ứng xử, việc tuân thủ pháp luật sẽ trở thành một giá trị văn hóa bền vững của mỗi cá nhân và của toàn xã hội.

4.5. Hoàn cảnh, điều kiện sống cũng là yếu tố tác động đến văn hóa tuân thủ pháp luật. Khi điều kiện sống của người dân còn hạn chế, khó khăn cũng ảnh hưởng, tác động đến quá trình xây dựng, phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật. Đồng thời, văn hóa cộng đồng, phong tục, tập quán cũng có những ảnh hưởng, tác động nhất định đến văn hóa tuân thủ pháp luật. Văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng, gồm 54 dân tộc với tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian khác nhau, còn tồn tại những hủ tục lạc hậu, do đó sẽ có tác động, chi phối, đôi lúc có thể cản trở hoặc tác động theo chiều hướng không tích cực đến quá trình xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

Bên cạnh đó, môi trường số cũng đặt ra yêu cầu xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trên không gian mạng, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong việc sử dụng công nghệ số theo đúng quy định của pháp luật.

5. Ý nghĩa, vai trò của văn hóa tuân thủ pháp luật

Việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

5.1. Góp phần xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm Hiến pháp và pháp luật thực sự giữ vị trí tối thượng trong quản lý nhà nước và quản trị xã hội.

5.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; chuyển từ quản lý xã hội chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính và cưỡng chế sang quản trị xã hội trên nền tảng pháp quyền, niềm tin và sự tự giác của người dân.

5.3. Hình thành môi trường xã hội kỷ cương, văn minh, minh bạch, an toàn, ổn định, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập quốc tế; bảo đảm quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

5.4. Giảm chi phí xã hội trong thanh tra, kiểm tra, cưỡng chế, xử lý vi phạm; phòng ngừa vi phạm pháp luật từ sớm, từ xa; nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

5.5. Góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có ý thức công dân, trách nhiệm xã hội, tinh thần thượng tôn pháp luật; đưa văn hóa tuân thủ pháp luật trở thành một bộ phận quan trọng của hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

IV. Quan điểm, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp

1. Quan điểm

1.1. Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật là nhiệm vụ có tính chiến lược, lâu dài, là bộ phận hữu cơ của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phát triển đất nước nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới. Văn hóa tuân thủ pháp luật phải được hình thành trên nền tảng thượng tôn pháp luật, gắn kết chặt chẽ với xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức xã hội.

1.2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật phải hướng tới hình thành ý thức tự giác, niềm tin pháp lý và trách nhiệm công dân của mỗi người dân; đồng thời tạo môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, thuận lợi để doanh nghiệp chủ động tuân thủ pháp luật, phát triển sản xuất, kinh doanh bền vững. Mọi giải pháp của Đề án phải hướng tới việc tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, hiểu, thực hiện và bảo vệ pháp luật.

1.3. Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, định hướng và tạo môi trường; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò vận động, giám sát; cơ quan báo chí, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, gia đình và cộng đồng là những chủ thể quan trọng trong việc hình thành và lan tỏa văn hóa tuân thủ pháp luật.

1.4. Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật phải được triển khai đồng bộ từ xây dựng pháp luật đến tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, truyền thông chính sách, PBGDPL cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm gắn kết giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, văn hóa, lối sống, tư tưởng để hình thành hệ giá trị con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước.

1.5. Đề cao vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu, phải thực sự gương mẫu trong chấp hành pháp luật, thực thi công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương; coi đây là điều kiện tiên quyết để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với pháp luật và Nhà nước.

2. Yêu cầu xây dựng Đề án

2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Việc xây dựng, triển khai Đề án phải quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật, PBGDPL và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong giai đoạn mới; đồng thời, phù hợp quy định của pháp luật, thống nhất, đồng bộ với chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật, cải cách hành chính, chuyển đổi số quốc gia, phát triển văn hóa, giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

2.2. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới hình thành thói quen "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật"; lấy sự tự giác tuân thủ pháp luật làm mục tiêu. Tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận, hiểu và thực hiện pháp luật. Chuyển từ quản lý bằng mệnh lệnh hành chính sang nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật.

2.3. Kết hợp đồng bộ giữa xây dựng và thi hành pháp luật, giữa giáo dục, truyền thông, nêu gương với thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Xây dựng các giá trị tích cực, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với pháp luật và các cơ quan công quyền.

2.4. Bảo đảm tính toàn diện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, được triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân và thường xuyên, liên tục

2.5. Phát huy trách nhiệm của toàn xã hội trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng. Bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và nguồn lực thực hiện. Có hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá kết quả và cơ chế theo dõi, sơ kết, tổng kết.

2.6. Đổi mới mạnh mẽ về tư duy, hình thức, phương thức PBGDPL, ứng dụng chuyển đổi số và cơ chế phối hợp hiệu quả để đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát

PA 1: Hình thành và từng bước phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội, trong đó việc tôn trọng, chấp hành, thực hiện và bảo vệ pháp luật trở thành giá trị văn hóa, chuẩn mực ứng xử phổ biến của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và Nhân dân; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa Việt Nam, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế.

PA2: Xây dựng, hình thành ý thức chủ động, tích cực, tự giác chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp trong xã hội để việc tuân thủ pháp luật từng bước trở thành nhu cầu tự thân, thói quen hằng ngày, chuẩn mực đạo đức công dân, giá trị cốt lõi trong các hệ giá trị về văn hóa con người Việt Nam, văn hóa gia đình Việt Nam và nền văn hóa Việt Nam trong thời đại mới; tạo nền tảng vững chắc cho xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và góp phần xây dựng “Xã hội thượng tôn pháp luật”, “Tổ chức thượng tôn pháp luật”, “Doanh nghiệp thượng tôn pháp luật”, “Công dân thượng tôn pháp luật” để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

3.2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

PA 1:

a) Tổ chức xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được được rà soát, hoàn thiện bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, có tính ổn định và khả thi cao.

b) 100% bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai Đề án.

c) Nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân

- 100% dự thảo VBQPPL thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL (trừ trường hợp có nội dung bí mật nhà nước) được truyền thông chính sách, dự thảo VBQPPL.

- 100% VBQPPL thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL sau khi thông qua được xây dựng tài liệu hướng dẫn PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, đối tượng đặc thù.

- 100% người dân, doanh nghiệp được tiếp cận các nội dung pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày, trong đó, 90% người dân và doanh nghiệp được tiếp cận nội dung pháp luật qua các nền tảng số.

d) Kéo giảm bền vững các vụ vi phạm pháp luật hàng năm. Phần đầu hằng năm kéo giảm 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; kéo giảm 5% tai nạn giao thông, 5% tổng số vụ cháy cấp III trở lên; xây dựng ít nhất 50% địa bàn cấp xã không ma túy, 20% địa bàn cấp tỉnh không ma túy; kéo giảm 5% số vụ việc và số đối tượng vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính.

đ) Hình thành và lan tỏa văn hóa tuân thủ pháp luật trong Nhân dân; văn hóa công vụ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từng bước xây dựng ý thức chấp hành pháp luật, chuẩn mực đạo đức thành “ứng xử tự thân” của mỗi người dân, hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

e) Khung tiêu chí đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật, các tiêu chí cụ thể đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật theo ngành, lĩnh vực, địa phương được xây dựng, ban hành và thực hiện.

PA2:

3.2.1. Đối với người dân, doanh nghiệp:

a) Nâng cao khả năng, năng lực tự bảo vệ bằng pháp luật của mỗi người dân, doanh nghiệp: Phần đầu từ 90% người dân có nhận thức, kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ trong các lĩnh vực thiết yếu của đời sống; biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mà không dùng các biện pháp tiêu cực.

b) Đổi mới thực chất, hiệu quả công tác giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở lấy người học làm trung tâm; giáo dục thể hệ trẻ nhận thức đúng đắn, tuân thủ pháp luật một cách chủ động, tự giác; văn hóa tuân thủ pháp luật là biểu hiện chính của “công dân văn minh”.

c) 100% chính sách, dự thảo VBQPPL (trừ nội dung bí mật nhà nước) được tổ chức truyền thông, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, phản biện xã hội.

d) 100% VBQPPL được thông qua/ban hành đã xây dựng các tài liệu hướng dẫn PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các đối tượng đặc thù theo quy định.

đ) Kéo giảm bền vững các vụ vi phạm pháp luật hàng năm. Phần đầu hằng năm kéo giảm 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội; kéo giảm 5% tai nạn giao thông, 5% tổng số vụ cháy cấp III trở lên; xây dựng ít nhất 50% địa bàn cấp xã không ma túy, 20% địa bàn cấp tỉnh không ma túy; kéo giảm 5% số vụ việc và số đối tượng vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính.

e) Tuân thủ pháp luật là tiêu chí để đánh giá, tôn vinh, biểu dương doanh nghiệp và việc tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

3.2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước:

a) Phần đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gương mẫu tuân thủ pháp luật.

b) Phần đầu tăng dần và duy trì bền vững tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước; không còn tình trạng những nhiễu, tham nhũng trong các cơ quan nhà nước.

3.3. Định hướng đến năm 2045

Văn hóa tuân thủ pháp luật được phát triển, lan tỏa và thấm sâu trong đời sống xã hội, trở thành giá trị, chuẩn mực ứng xử; việc chấp hành pháp luật của các chủ thể trong xã hội được thực hiện một cách chủ động, tự giác và trở thành thói quen hàng ngày, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Đề án

4.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật

a) Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật hình thành ý thức pháp luật tự thân; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, gắn với các Nghị quyết chiến lược của Đảng, các chương trình, kế hoạch của từng ngành, từng địa phương.

b) Đưa pháp luật thành nội dung sinh hoạt định kỳ, chuyên đề của các tổ chức Đảng cơ sở, phục vụ nhiệm vụ, công việc chuyên môn và quán triệt, thông tin, phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và tổ chức trong hệ thống chính trị.

c) Tích hợp, đưa nội dung giáo dục văn hóa tuân thủ pháp luật vào chương trình giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

d) Xây dựng, lan tỏa văn hóa chấp hành pháp luật, thượng tôn pháp luật, ý thức trách nhiệm công dân, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, lan tỏa đến gia đình, dòng họ, cộng đồng và toàn xã hội; đưa pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử trong đời sống kinh tế, xã hội và trên không gian số.

4.2. Hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật bảo đảm đồng bộ, thống nhất, ổn định, công khai, minh bạch, khả thi cao

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Ưu tiên xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ các văn bản, quy định trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, thi hành pháp luật, PBGDPL, phát triển kinh tế...

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả

c) Phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong xây dựng pháp luật, tăng cường lấy ý kiến, phản biện xã hội thực chất đối với các dự thảo chính sách lớn

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, dự thảo VBQPPL nhằm thu hút sự tham gia góp ý của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, nâng cao chất lượng văn bản, công khai, minh bạch, tạo đồng thuận xã hội khi thực thi.

4.3. Nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật

a) Hiện đại hóa quy trình quản lý, bảo đảm pháp luật được thực thi đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, nghiêm minh.

b) Hiện đại hóa quy trình quản lý hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm minh bạch, hiệu quả, thông suốt và thuận tiện trong giám sát, kiểm tra.

c) Hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để giảm thiểu tối đa sự can thiệp trực tiếp của con người, ngăn chặn triệt để tiêu cực, tham nhũng.

d) Nâng cao kiến thức, kỹ năng xây dựng, thi hành pháp luật và thúc đẩy văn hóa tuân thủ pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng liên quan. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cơ bản và nâng cao, phù hợp với từng vị trí công tác theo hướng phát triển năng lực tư duy pháp lý, đạo đức công vụ và khả năng ứng xử văn hóa – pháp luật trong môi trường đa chiều và biến động.

đ) Nâng cao hiệu quả cơ chế kiểm soát, đánh giá hoạt động công vụ.

e) Xử lý vi phạm pháp luật nghiêm minh, kịp thời, công bằng, không có ngoại lệ, không có vùng cấm để bảo đảm tính răn đe, giáo dục chung trong xã hội.

4.4. Đổi mới công tác PBGDPL, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm

a) Xây dựng, thực hiện các chính sách nhằm thu hút đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền; tăng cường tương tác, đối thoại, lan tỏa giá trị và hành vi tích cực, văn minh.

b) Đa dạng hóa, hiện đại hóa công tác PBGDPL phù hợp từng đối tượng đáp ứng nhu cầu xã hội, tận dụng tối đa hình thức PBGDPL trên các nền tảng số, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Tăng cường hướng dẫn, giải đáp pháp luật giữa các cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

d) PBGDPL gắn với nhu cầu thực tiễn bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết được các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm, những vấn đề nóng của xã hội; thiết kế các chương trình, hoạt động PBGDPL phù hợp cho các đối tượng đặc thù; nội dung PBGDPL xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, chuyển từ quy định luật có sang quy định mà người dân cần và muốn biết.

đ) Xây dựng, làm giàu hệ thống dữ liệu phục vụ công tác PBGDPL cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường số; phát triển các ứng dụng số hiện đại, trong đó tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các ứng dụng trực tuyến và ứng dụng hiện đại khác phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

e) Huy động sự tham gia của người nổi tiếng (nghệ sĩ, nhà khoa học, vận động viên...), người có sức ảnh hưởng và các luật sư, luật gia uy tín, già làng, trưởng bản để lan tỏa văn hóa tuân thủ pháp luật theo hướng tự nhiên, gần gũi, thân thiện. Khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức xã hội lồng ghép nội dung tuân thủ pháp luật vào quy tắc ứng xử nội bộ, hoạt động nghề nghiệp.

g) Đưa pháp luật vào các nội dung sinh hoạt văn hóa tại các điểm văn hóa cộng đồng, lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội truyền thống.

h) Tổ chức cuộc thi, hoạt động tôn vinh, vinh danh báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người có nhiều đóng góp cho công tác PBGDPL tiêu biểu, điển hình và các tổ chức, doanh nghiệp, công dân “thượng tôn pháp luật”.

4.5. Đề cao tính nêu gương trong tuân thủ và thực thi pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị để tạo niềm tin, lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật cho Nhân dân

a) Cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu gương mẫu chấp hành pháp luật. Mọi quyết định hành chính, hành vi ứng xử công vụ đều phải dựa trên nền tảng thượng tôn pháp luật.

b) Nâng cao nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm về nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên và người đứng đầu, thực hiện tốt vai trò, chủ động học tập nâng cao năng lực pháp lý để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả thực chất.

c) Chủ động tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

d) Gắn việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính với việc đánh giá, thi đua khen thưởng. Xử lý nghiêm minh, không có "vùng cấm" đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót của người có chức vụ, quyền hạn để củng cố niềm tin trong Nhân dân.

đ) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cơ bản và nâng cao, phù hợp với từng vị trí công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng liên quan theo hướng phát triển năng lực tư duy pháp lý, đạo đức công vụ và khả năng ứng xử văn hóa – pháp luật trong môi trường đa chiều và biến động.

4.6. Lan tỏa mạnh mẽ những giá trị tốt đẹp, nhân văn trong tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật

a) Gắn việc tuân thủ pháp luật với các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đưa các giá trị, nguyên tắc pháp luật cốt lõi vào các hương ước, quy ước của dòng họ, thôn, bản, tổ dân phố, tạo ra sự tự giác giám sát lẫn nhau ở cấp cơ sở, tạo thành một hệ thống quy tắc ứng xử tự nguyện, bền vững tại cơ sở, hình thành thói quen, nếp sống văn minh, văn hóa trong từng thôn, tổ dân phố.

b) Phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng trong giáo dục ý thức pháp luật, đề cao tính kỷ luật, công bằng và tôn trọng quyền con người, hình thành những thói quen tuân thủ pháp luật.

c) Kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương điển hình "Người tốt, việc tốt" trong tuân thủ pháp luật; tôn vinh các tập thể, cá nhân gương mẫu trong chấp hành pháp luật.

d) Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý (đặc biệt là hỗ trợ đất đai, chính sách giáo dục... cho các đối tượng yếu thế, vùng đồng bào dân tộc thiểu số), bảo đảm mọi công dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận công lý.

4.7. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật

4.7.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật

a) Hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc tổ chức và thực thi pháp luật hiệu quả.

b) Thể hiện tính nêu gương đi trước, làm trước, ý thức tuân thủ pháp luật trong thực thi pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức.

c) Thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông chính sách, PBGDPL.

d) Thực hiện hiệu quả cơ chế tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi của người dân, doanh nghiệp về hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm, đạo đức công vụ.

đ) Xây dựng môi trường xã hội công bằng, kỷ cương để Nhân dân tin tưởng, tự nguyện tuân thủ pháp luật.

e) Phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

4.7.2. Trách nhiệm của cơ quan thực thi pháp luật

a) Thực thi công vụ công bằng minh bạch, nghiêm minh bảo đảm mọi công dân, tổ chức đều bình đẳng trước pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm dựa trên chứng cứ khách quan và quy định pháp lý. Công khai quy trình, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật các hành vi vi phạm.

b) Lòng ghép thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trong quá trình dẫn, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ để giải thích rõ quyền, nghĩa vụ và các quy định pháp lý liên quan cho người dân; Lòng ghép trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

c) Hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân tuân thủ pháp luật, thường xuyên đánh giá các quy trình hành chính để loại bỏ các giấy tờ không cần thiết, chồng chéo, giảm bớt thời gian và chi phí cho người dân. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng các biểu mẫu điện tử hướng dẫn chi tiết, trực quan giúp người dân dễ dàng hoàn thiện hồ sơ đúng luật, giảm bớt các khâu trung gian.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chủ động phát hiện, chấn chỉnh và ngăn chặn các hành vi có nguy cơ vi phạm pháp luật trước khi hậu quả nghiêm trọng xảy ra.

4.7.3. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang nhân dân

a) Gương mẫu đi đầu, tiên phong, tiêu biểu trong việc nắm vững, chấp hành và bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật. Các cán bộ, chiến sĩ phải chủ động học tập, nghiên cứu để hiểu sâu, hiểu đúng các quy định của Hiến pháp, pháp luật Nhà nước và điều lệnh, điều lệ.

b) Xây dựng thể trận lòng dân và gắn kết chặt chẽ quốc phòng, an ninh với pháp luật, giúp nâng cao ý thức pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, chiến sĩ, sĩ quan, quân nhân... trong lực lượng vũ trang và Nhân dân.

c) Đấu tranh không khoan nhượng với các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia.

d) Chủ động phối hợp các ban ngành, đoàn thể địa phương thực hiện PBGDPL cho Nhân dân.

4.7.4. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Thực hiện PBGDPL cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, lồng ghép nội dung pháp luật vào các buổi sinh hoạt định kỳ của hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hoặc các ngày hội đại đoàn kết toàn dân.

b) Tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực thi pháp luật giúp pháp luật khi ban hành sát với thực tế, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và Nhân dân, từ đó tạo thuận lợi cho việc tuân thủ pháp luật của người dân.

c) Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

d) Đấu tranh phòng chống tiêu cực hành vi vi phạm pháp luật.

4.7.5. Trách nhiệm của hệ thống giáo dục quốc dân

Hệ thống giáo dục quốc dân giữ vai trò nòng cốt trong việc hình thành và phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật. Thông qua tích hợp các quy định pháp luật vào giảng dạy, xây dựng môi trường học đường trong sạch, lành mạnh, tạo lập thói quen tôn trọng pháp luật cho học sinh, sinh viên.

a) Tích hợp pháp luật vào chương trình giảng dạy, đưa kiến thức pháp luật và chương trình giảng dạy chính khóa và ngoại khóa một cách trực quan sinh động, giúp học sinh, sinh viên hiểu sâu sắc quyền và nghĩa vụ công dân.

b) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và văn hóa ứng xử trong trường học. Xác định đội ngũ giáo viên là tấm gương sống trong chấp hành pháp luật, tạo dựng không gian, lối sống văn hóa chuẩn mực cho học sinh, sinh viên noi theo. Xây dựng, triển khai các mô hình về văn hóa tuân thủ pháp luật trong trường học.

c) Quản lý và nâng cao kỷ cương giáo dục, xây dựng và thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử học đường và xử lý công bằng các vi phạm trong học sinh, sinh viên. Xây dựng quy trình xử lý vi phạm rõ ràng, đúng thẩm quyền; áp dụng các hình thức kỷ luật công bằng, khách quan, mang tính răn đe và giáo dục.

d) Kết nối và phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục và kịp thời uốn nắn các hành vi lệch chuẩn của học sinh, sinh viên.

4.7.6. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức:

a) Xác định vai trò gương mẫu đi đầu trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật là hạt nhân trong việc chấp hành pháp luật.

b) Đặt lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân lên trên, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả thực thi công vụ. Sẵn sàng đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; có thái độ khách quan, công tâm khi giải quyết công việc, minh bạch trong mọi hoạt động thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4.7.7. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh với phương châm “kinh doanh có đạo đức và có trách nhiệm”.

b) Minh bạch hóa quản trị - cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh đúng pháp luật. Khuyến khích doanh nghiệp chủ động xây dựng bộ phận hoặc thực hiện việc kiểm soát tuân thủ, minh bạch thông tin, tăng cường chống hàng giả, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu.

4.7.8. Trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo, các dân tộc trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật:

Các tổ chức tôn giáo, các dân tộc đóng vai trò cầu nối quan trọng trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng lối sống chuẩn mực trong xã hội nên có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

a) Chủ động giáo dục các tín đồ theo đạo hướng đến chân, thiện, mỹ, sống lương thiện, tôn trọng lễ phải và sự công bằng, lòng ghép các quy tắc đạo đức tôn giáo tốt đẹp hình thành ý thức tự giác, coi việc tuân thủ pháp luật là một chuẩn mực đạo đức tối thiểu của mỗi cá nhân.

b) Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự hòa hợp giữa các dân tộc và tôn giáo tạo ra sự đồng thuận xã hội sâu rộng giúp cộng đồng dễ dàng tiếp nhận, ủng hộ và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Truyền đạt pháp luật một cách gần gũi, dễ hiểu, bám sát thực tiễn đời sống từng địa phương

d) Lòng ghép việc PBGDPL vào các hoạt động sinh hoạt tôn giáo, giúp tín đồ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân.

đ) Xác định vai trò nêu gương trong lao động, sản xuất, tham gia tích cực các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

e) Chủ động phòng ngừa và đấu tranh các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để truyền truyền sai lệch, vi phạm pháp luật hoặc gây chia rẽ khối đoàn kết toàn dân tộc.

4.7.9. Trách nhiệm của công dân:

a) Tự giác, chủ động tiếp cận, tìm hiểu và trang bị kiến thức pháp luật để hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của bản thân.

b) Hình thành thói quen ứng xử tuân thủ pháp luật; xác định các quy định của pháp luật là chuẩn mực hành vi tự nguyện và bắt buộc trong mọi hoạt động đời sống.

c) Tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với các biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật; hỗ trợ các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ an ninh trật tự.

d) Tích cực tham gia đóng góp ý kiến, phản biện các chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo pháp luật bám sát thực tiễn đời sống và có tính khả thi cao.

4.7.10. Trách nhiệm của gia đình:

Gia đình là “tế bào của xã hội” là môi trường đầu tiên hình thành nhân cách, vai trò gia đình có ý nghĩa mang tính nền tảng trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

a) Giáo dục đạo đức và ý thức, hình thành nếp sống văn minh và thói quen tôn trọng, chấp hành pháp luật từ khi còn nhỏ.

b) Duy trì nếp sống lành mạnh, ứng xử văn hóa, hòa thuận, không sa đà vào các tệ nạn xã hội. Người lớn trong gia đình phải nêu gương về đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật để trẻ em noi theo.

c) Xây dựng gia đình văn hóa đi liền với việc thiết lập quy tắc ứng xử chuẩn mực giúp các thành viên trong gia đình điều chỉnh hành vi cho phù hợp với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và pháp luật.

4.8. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án

a) Hình thành các tiêu chí xây dựng và công nhận văn hóa tuân thủ pháp luật cho từng nhóm chủ thể.

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra; ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, đánh giá hiệu quả thực thi công vụ; gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thi hành pháp luật.

c) Tổ chức khảo sát, đánh giá định kỳ tình hình, kết quả thực hiện Đề án bằng các hình thức phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp.

d) Thực hiện sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nội dung chưa phù hợp. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai Đề án tại các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, địa phương; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực trong thực hiện Đề án.

4.9. Xây dựng cơ chế khen thưởng và chế tài xử lý

a) Xây dựng và triển khai các cơ chế kết hợp hài hòa giữa phổ biến, giáo dục, thuyết phục với kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật.

b) Hoàn thiện hệ thống tiêu chí, công cụ đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở, gắn kết quả đánh giá với công tác quản lý, thi đua, khen thưởng và trách nhiệm giải trình.

c) Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, sáng kiến tiêu biểu trong xây dựng và thực hiện văn hóa tuân thủ pháp luật.

d) Tăng cường xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm tính công bằng, răn đe, phòng ngừa và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong xã hội.

V. Các biện pháp bảo đảm thực hiện Đề án

1. Xây dựng hệ thống đánh giá, đo lường việc thực hiện Đề án

Đề án thiết lập một hệ thống chỉ số đo lường đa chiều, kết hợp giữa định lượng và định tính nhằm đánh giá khách quan tiến trình xây dựng văn hóa tuân thủ trong xã hội. Hệ thống chỉ số được cấu trúc thành ba nhóm cốt lõi:

1.1. Tiêu chí đánh giá nhận thức và ý thức pháp luật

Đo lường mức độ hiểu biết pháp luật, niềm tin vào công lý và thái độ tôn trọng pháp luật của các nhân, tổ chức.

1.2. Tiêu chí đánh giá mức độ thực thi pháp luật: tỷ lệ giảm các vụ vi phạm pháp luật hành chính, hình sự ...; tỷ lệ xử lý đúng hạn các vụ việc khiếu nại, tố cáo và kết quả thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật tại cơ sở.

1.3. Đánh giá văn hóa công vụ: Đánh giá tính gương mẫu liêm chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng nòng cốt trong thực thi công vụ.

Đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; tỷ lệ cán bộ, công chức bị kỷ luật công vụ hằng năm.

2. Hình thành các công cụ và phương pháp đánh giá

2.1. Chỉ số đánh giá định lượng: Dựa trên cơ sở phân tích số liệu thống kê giải quyết khiếu nại, tố cáo, số vụ vi phạm hành chính, hình sự hằng năm từ dữ liệu của các cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra.

2.2. Khảo sát định tính (xã hội học pháp lý): Định kỳ tổ chức các cuộc điều tra dư luận xã hội trên quy mô quốc gia để đo lường niềm tin pháp lý của người dân, doanh nghiệp đối với hệ thống pháp luật và các thiết chế công quyền.

2.3. Thông qua thước đo từ các cơ quan chuyên trách

Sự vào cuộc của các cơ quan tư pháp trong việc phân tích nguyên nhân các vụ vi phạm để đưa ra các đánh giá về lỗ hổng thể chế hoặc điểm nghẽn trong văn hóa tuân thủ pháp luật.

3. Quy trình và lộ trình thực hiện

3.1. Giai đoạn nền tảng: Quá trình đánh giá tập trung vào việc chuẩn hóa nội hàm, đo lường nhận thức và mức độ cải cách hành chính để người dân dễ dàng tiếp cận pháp luật.

3.2. Thực thi và chuyển hóa: Đo lường hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục pháp luật và sự chuyển dịch từ hành vi đối phó sang hành vi tự giác tuân thủ pháp luật của toàn xã hội.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án đúng tiến độ, chất lượng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật theo ngành, lĩnh vực.

- Chỉ đạo, tổ chức đẩy mạnh việc PBGDPL cho các đối tượng đặc thù thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật, góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật cho các đối tượng này.

- Trong quá trình thực hiện Đề án này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ chủ động trao đổi, phối hợp với Bộ Tư pháp để thống nhất phương án xử lý, khắc phục; trong trường hợp vượt quá thẩm quyền thì kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Bộ Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Đề án và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án.

- Thực hiện biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, có nhiều đóng góp trong công tác này.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức các cuộc thi, chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức thượng tôn pháp luật, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; triển khai các giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực tham mưu thực hiện công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và thu hút chuyên gia, người có uy tín tham gia lực lượng nòng cốt PBGDPL cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương nghiên cứu, xây dựng, triển khai Khung tiêu chí đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật, gắn với đánh giá hoạt động PBGDPL của các cơ quan, tổ chức và hiệu quả thực thi VBQPPL; chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, nhân rộng, biểu dương các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gương mẫu, tiêu biểu trong thượng tôn pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết (năm 2028), tổng kết (năm 2030) việc thực hiện Đề án; đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án trong trường hợp cần thiết.

c) Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin kịp thời, chính xác về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về thượng tôn pháp luật, gắn việc tuân thủ pháp luật với các chuẩn mực đạo đức, văn hóa của người Việt Nam.

Lồng ghép triển khai Đề án gắn với phong trào thi đua "Dân vận khéo" trong lĩnh vực xây dựng đời sống pháp luật ở cơ sở.

d) Đề nghị các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan liên quan thực hiện hiệu quả Đề án theo quy định.

đ) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí đẩy mạnh truyền thông về văn hóa tuân thủ pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, địa phương chỉ đạo, thực hiện PBGDPL qua các kênh truyền thông đại chúng, các đơn vị đài truyền hình quốc gia.

- Tham mưu bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ của Đề án trong chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa phù hợp với mục tiêu về xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo tăng cường lồng ghép, đưa các nội dung về PBGDPL, thượng tôn pháp luật trong các chương trình, hoạt động, cuộc thi về văn hóa, thể thao, du lịch, trong các phòng trào, cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa.

e) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tổ chức tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về ý thức thượng tôn pháp luật, văn hóa tuân thủ pháp luật vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai các chương trình, hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng giảng dạy giáo dục pháp luật cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục.

g) Bộ Quốc phòng

- Tăng cường giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật cho cán bộ, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cá nhân khác trong lực lượng vũ trang và người dân.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương triển khai hoạt động PBGDPL cho Nhân dân, nhất là tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

h) Bộ Công an

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong triển khai Đề án gắn với việc phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và người dân; đẩy mạnh các phong trào quần chúng tham gia phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương triển khai hoạt động PBGDPL gắn với bảo đảm an ninh, trật tự.

i) Bộ Nội vụ

- Chỉ đạo đưa nội dung về ý thức chấp hành pháp luật, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ vào công tác quản lý, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án.

k) Bộ Tài chính

Căn cứ đề xuất dự toán của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao nhiệm vụ tại Đề án, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện Đề án; phối hợp với Bộ Tư pháp đề xuất nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

l) Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với Bộ Tư pháp triển khai thực hiện Đề án; khuyến khích, huy động các thành viên, hội viên tham gia xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật thông qua việc xây dựng, phản biện xã hội, vận

động Nhân dân giám sát thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

m) Đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các cơ quan báo chí khác ở trung ương và địa phương: Tiếp tục tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật với hình thức phong phú; tăng cường lồng ghép nội dung pháp luật trong các chương trình giải trí trên truyền hình; chú trọng hoạt động tư vấn, giải đáp, đối thoại chính sách pháp luật.

n) Đề nghị Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:

- Chủ trì việc xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đo lường mức độ tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp triển khai nội dung Đề án trong khu vực doanh nghiệp.

o) Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ:

- Tăng cường phổ biến pháp luật nước sở tại, đặc biệt là các quy định về cư trú, lao động, kinh doanh, thông qua các kênh số, website Đại sứ quán và các trang thông tin kiều bào.

- Hỗ trợ, phối hợp với các tổ chức hội người Việt ở nước ngoài tổ chức các buổi tư vấn pháp luật, thông tin, truyền thông giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiểu biết pháp luật Việt Nam.

p) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và điều kiện thực tiễn, chủ động ban hành kế hoạch thực hiện Đề án và bố trí kinh phí triển khai Đề án tại địa phương, đảm bảo thiết thực, chất lượng và hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đối với đối tượng, địa bàn thuộc phạm vi quản lý; xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật theo địa bàn quản lý; thực hiện các nhiệm vụ của Đề án lồng ghép với các chương trình, đề án liên quan ở địa phương đang triển khai thực hiện.

- Bố trí các điều kiện bảo đảm để thực hiện nhiệm vụ tại Đề án; kịp thời tổng hợp, báo cáo theo đề nghị của Bộ Tư pháp về tình hình triển khai thực hiện Đề án để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026 - 2027: Tập trung xây dựng, chuẩn hóa bộ tiêu chí đánh giá; ban hành Khung tiêu chí đánh giá văn hóa tuân thủ pháp luật, tổ chức thí điểm tiêu chí đánh giá tại một số bộ, ngành, địa phương đại diện; tổ chức rà soát hệ thống VBQPPL và đẩy mạnh cải cách hành chính tại cơ sở. Tổ chức thực hiện sơ kết việc triển khai Đề án giai đoạn 2026-2027 vào năm 2028.

- Giai đoạn 2028 - 2030: Triển khai diện rộng trên phạm vi cả nước; thực hiện đánh giá, đo lường hằng năm; triển khai số hóa toàn diện quy trình đánh giá, thu thập dữ liệu; đo lường hiệu quả công tác PBGDPL và công bố chỉ số thường niên để điều chỉnh chính sách kịp thời. Tổ chức tổng kết việc triển khai Đề án giai đoạn vào năm 2030 và đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2045.

3. Kinh phí thực hiện Đề án

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, địa phương căn cứ nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Quyết định này và quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để xây dựng dự toán, bố trí kinh phí hằng năm và tổ chức thực hiện.

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

4. Cơ chế báo cáo tiến độ thực hiện

Các bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị, cụ thể: tổ chức sơ kết (năm 2028), tổng kết (năm 2030) việc thực hiện Đề án./.

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ PHÁP LUẬT”

STT	Các văn bản	Nội dung quy định
1.	Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	“...bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; tập trung xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật”.
2.	Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân	“mỗi cán bộ, đảng viên phải xác định việc tìm hiểu, học tập pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, là một trong những tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên; thông qua việc gương mẫu chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên mà thuyết phục, giáo dục quần chúng, thành viên trong gia đình ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật”.
3.	Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	“Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước”. “Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.”
4.	Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-	“ý thức chấp hành pháp luật là thước đo hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”

	CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân	
5.	Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	“Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế... Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật”.
6.	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới	“Xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong hệ thống chính trị và toàn xã hội”.
7.	Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp	“Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, trước hết là trong cán bộ, đảng viên và cán bộ, đảng viên ngành Tư pháp”.
8.	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	“Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.
9.	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	“Lấy đạo đức, văn hoá kinh doanh làm cốt lõi, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật. Đánh giá doanh nghiệp tư nhân theo chuẩn quốc tế dựa trên các tiêu chí cốt lõi về: (1) Mức độ tuân thủ pháp luật...”.

10.	Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	“Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá liêm chính, đề cao đạo đức công vụ, văn hoá ứng xử trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể. Đẩy mạnh xây dựng văn hoá doanh nghiệp, văn hoá doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới”.
11.	Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam	“Chú trọng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại, trong đó có nội dung “nêu cao văn hoá thượng tôn pháp luật từ gia đình, nhà trường, đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên nền tảng đạo đức, luật pháp, chuẩn mực xã hội và giá trị truyền thống, tinh thần đoàn kết, sẻ chia, tương thân, tương ái, trách nhiệm xã hội. Xây dựng môi trường thông tin số lành mạnh, nâng cao ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân trong không gian số; ban hành bộ quy tắc ứng xử trên không gian số; làm trong sạch môi trường văn hoá số”.
12.	Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”	“Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ "tốt trong văn bản" sang "tốt trong cuộc sống"
13.	Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung và ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh	“Đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân”

	tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.	
--	---	--

PHỤ LỤC 2

SỐ LIỆU, THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

1. Phụ lục về số liệu tham gia giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào các chính sách, dự thảo Luật

a) Số liệu tham gia giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Trong 13 năm qua¹⁸, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã chủ trì tổ chức 825.747 cuộc giám sát, trong đó, cấp Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức 32 cuộc; cấp tỉnh 36.202 cuộc; cấp huyện, xã 789.513 cuộc.

Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức được 25.118 cuộc ở cả 3 cấp.

Hội Nông dân Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức 20.996 cuộc giám sát, tham gia 40.180 đoàn giám sát và nghiên cứu, xem xét 32.000 văn bản trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở Trung ương tổ chức 50 cuộc; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức được 1.632 cuộc trong đó (cấp Trung ương 79 cuộc; cấp tỉnh: 1.553 cuộc)¹⁹

b) Số liệu tham gia góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào các chính sách, dự thảo Luật

- Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013: Hơn 280 triệu lượt ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân²⁰ (khoảng 14.000.000 người dân tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013 qua VNeID).

- Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi: có gần 12 triệu lượt ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp ý²¹.

¹⁸ Báo cáo số 23/BC-MTTW-BTT ngày 16/6/2026 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

¹⁹ Từ 2013 - tháng 12/2021, cấp tỉnh tổ chức 1553 cuộc giám sát, ban hành 804 văn bản kiến nghị và nhận được 429 văn bản phản hồi sau giám sát.

²⁰ <https://baohinhphu.vn/tren-280-trieu-luot-y-kien-gop-y-vao-du-thao-nghi-quyet-sua-doi-hien-phap-nam-2013-102250606110105076.htm>

²¹ <https://nnmt.net.vn/ca-nuoc-co-gan-12-trieu-luot-gop-y-vao-du-thao-luat-dat-dai-sua-doi>

2. Phụ lục về số liệu kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, số lượng văn bản quy phạm pháp luật phát hiện trái pháp luật, chồng chéo, mâu thuẫn, không có tính khả thi (từ 2025 đến nay)

2.1. Tổng số phản ánh, kiến nghị là **2.088**. Trong đó có: **787** phản ánh, kiến nghị được xác định có khó khăn, vướng mắc cần xử lý; **1.300** phản ánh, kiến nghị được xác định là không phải là khó khăn, vướng mắc (trong đó có **1.295** phản ánh, kiến nghị cần trả lời, công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan và trên Cổng Pháp luật quốc gia (<https://phapluat.gov.vn/>), **05** phản ánh, kiến nghị không phải trả lời); **01** phản ánh, kiến nghị được bổ sung nhưng chưa có ý kiến của Bộ quản lý về ngành, lĩnh vực, cụ thể:

STT	Tên các bộ, ngành	Số lượng
1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	48 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 22 văn bản cần xử lý (tại 06 Luật; 10 Nghị định; 06 Thông tư; 06 phản ánh, kiến nghị do chưa có quy định pháp luật hoặc khác)
2	Bộ Xây dựng	93 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 31 văn bản cần xử lý (05 luật; 01 nghị quyết của UBTVQH, 16 nghị định; 09 thông tư)
3	Bộ Tài chính	94 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 36 văn bản cần xử lý (tại 10 luật; 01 Nghị quyết của UBTVQH, 12 nghị định, 13 thông tư, 01 phản ánh, kiến nghị do chưa có quy định pháp luật điều chỉnh)
4	Bộ Công Thương	76 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 38 văn bản cần xử lý (tại 07 luật; 29 nghị định; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 01 thông tư)
5	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14 phản ánh, kiến nghị cần xử lý tại 10 văn bản (gồm: 01 phản ánh, kiến nghị tại 01 nghị định; 12 phản ánh, kiến nghị tại 08 thông tư; 01 phản ánh, kiến nghị tại 01 Quyết định)
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	61 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 47 văn bản cần xử lý (07 Luật, 13 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 24 Thông tư)
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	74 phản ánh, kiến nghị cần xử lý tại 20 văn bản (tại 04 luật, tại 09 nghị định, tại 07 thông tư).
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	38 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 25 văn bản cần xử lý
8	Bộ Y tế	62 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 20 văn bản cần xử lý (tại 04 Luật; 05 Nghị định; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 10 Thông tư; Thông tư liên tịch, Quyết định của Bộ

		trưởng Bộ Y tế)
9	Bộ Quốc phòng	01 phản ánh, kiến nghị cần xử lý tại 01 văn bản (01 nghị định)
10	Bộ Công an	87 phản ánh, kiến nghị tại 21 văn bản cần xử lý (tại 07 luật; 09 nghị định; 05 thông tư)
11	Bộ Ngoại giao	23 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 02 văn bản cần xử lý (01 luật; 01 Quyết định của Thủ tướng)
12	Bộ Nội vụ	49 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 22 văn bản cần xử lý (06 luật, 12 Nghị định, 04 Thông tư)
13	Bộ Tư pháp	45 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 28 văn bản cần xử lý (09 luật, 10 nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 08 thông tư)
14	Thanh tra Chính phủ	21 phản ánh, kiến nghị có khó khăn, vướng mắc tại 07 văn bản cần xử lý tại 05 luật, 01 nghị định, 01 thông tư
15	Văn phòng Chính phủ	01 phản ánh, kiến nghị cần xử lý tại 01 văn bản (01 nghị định)
16	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	01 phản ánh, kiến nghị đối với 01 nghị định thuộc trách nhiệm tham mưu, xử lý của Bộ Tài chính

2.2. Số VBQPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp của tổ chức bộ máy nhà nước được rà soát: Các bộ, cơ quan ngang bộ 895²² văn bản, địa phương là 5.212.

2.3. Số VBQPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp của tổ chức bộ máy nhà nước đã được xử lý: Các bộ, cơ quan ngang bộ là 560 văn bản, địa phương là 4.041 văn bản.

²² Không bao gồm 34 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công an rà soát, kiến nghị các bộ, ngành xử lý.

3. Phụ lục thống kê số liệu các hành vi vi phạm liên quan đến người thực thi công vụ (từ năm 2023-nay).

Năm 2023²³: Việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, các cấp, các ngành đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức tại 8.211 cơ quan, tổ chức, đơn vị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm và xử lý 938 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp (số trường hợp vi phạm tăng 109% so với năm 2022). Có 23 trường hợp nộp lại quà tặng cho đơn vị, với số tiền 93 triệu đồng.

Năm 2024²⁴: Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng; đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức tại 89.126 cơ quan, tổ chức, đơn vị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm và xử lý 1.121 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Năm 2024, có 01 trường hợp nộp lại quà tặng theo quy định cho đơn vị với số tiền 3,6 triệu đồng²⁵; trong lực lượng Công an Nhân dân đã có 53 lượt cán bộ, chiến sỹ Công an không nhận hối lộ với số tiền trên 58 triệu đồng.

Năm 2025: Qua thanh tra²⁶, cơ quan Thanh tra đã phát hiện nhiều hành vi vi phạm, kiến nghị xem xét, xử lý hành chính 1.872 tập thể và 6.544 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xem xét, xử lý 236 vụ, 140 đối tượng. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị xử lý 376 người; chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xem xét, xử lý 12 vụ, 14 đối tượng. Về việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, các Cơ quan điều tra trong lực lượng Công an Nhân dân đã thụ lý điều tra 1.363 vụ án với 3.187 bị can phạm tội về tham nhũng, đã kết luận điều tra, đề nghị truy tố 813 vụ án với 2.044 bị can. Cơ quan Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng đã khởi tố điều tra 14 vụ án với 19 bị can; đề nghị truy tố 08 vụ án với 37 bị can.

Viện kiểm sát Nhân dân các cấp đã thụ lý 1.077 vụ với 3.060 bị can, trong đó đã giải quyết 1.041 vụ với 2.931 bị can. Tòa án Nhân dân các cấp đã giải quyết 1.188 vụ với 3.061 bị cáo, trong đó đã xét xử 975 vụ với 2.386 bị cáo. Tổng số việc phải thi hành án dân sự về tham nhũng, kinh tế là 10.393 việc, có điều kiện thi hành 7.888 việc, thi hành xong 6.471 việc²⁷.

4. Phụ lục số liệu liên quan đến vi phạm pháp luật trong Nhân dân (từ năm 2023- nay)

²³ Báo cáo số 565/BC-CP ngày 18/10/2023 của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023.

²⁴ Báo cáo số 653/BC-CP ngày 17/10/2024 của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024.

²⁵ Khánh Hòa

²⁶ Báo cáo và báo cáo thẩm tra về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2025 do Tổng Thanh tra Chính phủ trình bày tại phiên họp sáng ngày 09/12/2025 của Chương trình Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

²⁷<https://diendandoanhnghiep.vn/nam-2025-kien-nghi-xem-xet-xu-ly-hanh-chinh-1-872-tap-the-va-6-544-ca-nhan-vi-pham-10167171.html>

4.1. Thông tin về vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân từ năm 2023-2025

Năm 2023²⁸: Theo thông tin cung cấp của Tòa án nhân dân tối cao, trong thời gian từ 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý 4.949 vụ việc trong lĩnh vực lao động, việc làm theo trình tự sơ thẩm. Về kết quả xét xử các vụ án hình sự, các Tòa án nhân dân đã thụ lý 64 vụ, 79 bị cáo theo thủ tục sơ thẩm trong lĩnh vực lao động, việc làm²⁹.

Về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 gồm lĩnh vực lao động, việc làm và quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu³⁰.

Năm 2024³¹: Ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn chưa cao, tình trạng vi phạm pháp luật còn diễn ra phổ biến trong một số lĩnh vực gây bức xúc dư luận xã hội. Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, Viện Kiểm sát nhận dân các cấp đã khởi tố mới 258 vụ/458 bị can; Viện Kiểm sát nhân dân truy tố 219 vụ/391 bị can; thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử 214 vụ/389 bị cáo; ngoài ra, trên toàn quốc đã xảy ra nhiều vụ ngộ độc tập thể trong trường học, nhà máy, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, quy mô lớn xảy ra tại nhiều địa phương³²... Trong lĩnh vực quản lý thuế, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã phát hiện, khởi tố mới 935 vụ/2.584 bị can; Viện Kiểm sát truy tố 649 vụ/1.973 bị can; thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử 578 vụ/1.568 bị cáo. Trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm, Viện Kiểm sát nhận dân đã phát hiện, khởi tố mới 06 vụ/05 bị can; Viện Kiểm sát truy tố 03 vụ/03 bị can; thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử 01 vụ/01 bị cáo.

Năm 2025³³: Qua theo dõi cho thấy, tình hình tuân thủ pháp luật về thủy sản, môi trường, đất đai, tài nguyên nước, biển, hải đảo, rừng, phòng cháy và chữa cháy ngày càng tích cực; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch sử dụng đất, ... và quy hoạch chung về phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được các

²⁸ Báo cáo số 450/BC-BTP ngày 25/12/2023 của Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023

²⁹ Công văn số 198a/TANDTC-TH ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về việc phối hợp cung cấp thông tin tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023

³⁰ Ví dụ: Bộ Công an khởi tố vụ án vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, đưa hối lộ, nhận hối lộ và lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, xảy ra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải và du lịch xuyên việt Oil; Sở Công thương Hà Nội đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 01 đơn vị với hành vi niêm yết giá bán lẻ xăng dầu không đúng với giá do thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định, số tiền xử phạt 9.500.000 đồng, đơn vị đã thực hiện nộp tiền vào Ngân sách nhà nước; Sở Công thương Bình Phước phát hiện 02 trường hợp sai phạm đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, cụ thể: Lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 đơn vị với số tiền 15.000.000 đồng; Lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt 01 đơn vị với số tiền 105.000.000 đồng.

³¹ Báo cáo số 541/BC-BTP ngày 25/12/2024 của Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024

³² Vụ ngộ độc thực phẩm có 373 người nhập viện do ăn bánh mì tại tiệm Cô Ba Bến Đình tại thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 26/11/2024

³³ Báo cáo số 812/BC-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ Tư pháp về tổ chức thi hành pháp luật năm 2025

cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm, bảo đảm thực hiện. Tuy nhiên, mức độ tuân thủ pháp luật của một bộ phận cơ quan, tổ chức và cá nhân vẫn chưa cao, việc chấp hành các quy định pháp luật còn chưa nghiêm³⁴. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội tuy đã được kiềm chế và có xu hướng giảm nhưng vẫn diễn biến phức tạp tại một số thời điểm, nhất là đối với các loại tội phạm như cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, xâm hại tình dục trẻ em, hành vi chống người thi hành công vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng....

Về các vụ án hình sự, các Tòa án đã thụ lý 461.603 vụ với 872.582 bị cáo; đã giải quyết, xét xử được 460.299 vụ với 867.550 bị cáo; đạt tỷ lệ 99,72% về số vụ và 99,42% về số bị cáo (so với nhiệm kỳ trước, thụ lý tăng 75.438 vụ và tăng 222.036 bị cáo; giải quyết tăng 76.090 vụ và tăng 225.934 bị cáo); vượt 11,72% so với chỉ tiêu Nghị quyết của Quốc hội đề ra. Chỉ tính riêng năm 2025, các Tòa án đã thụ lý 95.234 vụ với 192.109 bị cáo; đã giải quyết, xét xử được 93.930 vụ với 187.077 bị cáo, cao hơn năm trước 0,45% về số vụ và 0,56% về số bị cáo, vượt 10,63% so với chỉ tiêu Nghị quyết Quốc hội giao.

Về các vụ án hành chính, các Tòa án đã thụ lý 46.254 vụ; đã giải quyết, xét xử 43.930 vụ; đạt tỷ lệ 94,98% (so với nhiệm kỳ trước, thụ lý tăng 9.900 vụ, giải quyết, xét xử tăng 11.464 vụ). Chỉ tính riêng năm 2025, các Tòa án đã thụ lý 12.901 vụ; đã giải quyết, xét xử được 10.577 vụ; đạt tỷ lệ 81,99%, cao hơn năm trước 5,07%, vượt 21,99% so với chỉ tiêu Nghị quyết Quốc hội giao.

4.2. Kết quả công tác xử lý vi phạm hành chính

a) Số vụ việc vi phạm và số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

STT	Nội dung	Năm 2023 ³⁵	Năm 2024 ³⁶	Năm 2025 ³⁷
1	Tổng số vụ việc vi phạm đã bị xử phạt	4.144.640 vụ việc	6.396.806 vụ việc ³⁸	4.128.159 vụ việc
2	Số vụ việc bị chuyển truy cứu cứu trách nhiệm hình sự	14.609 vụ việc	322.333 vụ việc	6.085 vụ việc
3	Số vụ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính	16.326 vụ việc	38.485 vụ việc	11.459 vụ việc

³⁴ Ví dụ: Tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, đã được các cơ quan, đơn vị khuyến cáo, yêu cầu xử lý trong quá trình theo dõi, kiểm tra. Từ ngày 01/12/2024 đến hết ngày 15/11/2025, Cục Báo chí đã ban hành 10 quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 07 cơ quan báo chí, 01 cá nhân với tổng số tiền 216.750.000 đồng; Cục Xuất bản, In và Phát hành đã ban hành 04 quyết định xử phạt đối với 04 đơn vị với tổng số tiền là 93.750.000 đồng.

³⁵ Báo cáo số 158/BC-BTP ngày 01/4/2024 báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023.

³⁶ Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 17/02/2025 báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024.

³⁷ Báo cáo số 353/BC-BTP ngày 21/5/2026

³⁸ Bao gồm cả các quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo Điều 65 Luật XLVPHC.

4	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	21.815 vụ	24.114 vụ	3.420 vụ
5	Tổng số đối tượng bị xử phạt	4.604.087 đối tượng	5.531.109 đối tượng ³⁹	4.049.406 đối tượng ⁴⁰

b) Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	36.297 đối tượng ⁴¹	42.847 đối tượng ⁴²	36.601 đối tượng ⁴³
2	Tổng số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC	34.904 đối tượng ⁴⁴	41.856 đối tượng ⁴⁵	35.115 đối tượng ⁴⁶
3	Tổng số người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp thay thế XLVPHC quản lý tại gia đình ⁴⁷	808 đối tượng	494 đối tượng	235 đối tượng
4	Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng ⁴⁸	09 đối tượng	03 đối tượng	13 đối tượng

³⁹ tăng 927.022 đối tượng (khoảng 20,13%) so với cùng kỳ năm 2023

⁴⁰ giảm 1.481.703 đối tượng (khoảng 26,79%) so với cùng kỳ năm 2024.

⁴¹ tăng 4.723 đối tượng, khoảng 14,9% so với cùng kỳ năm 2022.

⁴² tăng 6.550 đối tượng, khoảng 18,05% so với cùng kỳ năm 2023.

⁴³ giảm 6.701 đối tượng, khoảng 18,31% so với cùng kỳ năm 2024.

⁴⁴ Tăng 4.656 đối tượng (khoảng 15,39% so với kỳ báo cáo năm 2022).

⁴⁵ tăng 6.952 đối tượng (khoảng 19,92% so với cùng kỳ năm 2023).

⁴⁶ giảm 7.909 đối tượng (khoảng 22,52 % so với cùng kỳ năm 2024).

⁴⁷ Biện pháp thay thế XLVPHC quản lý tại gia đình chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên bị áp dụng BPXLHC GDTXPTT; không áp dụng đối với đối tượng bị áp dụng BPXLHC đưa vào TGD, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB.

⁴⁸ Biện pháp thay thế XLVPHC giáo dục dựa vào cộng đồng chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên bị áp dụng BPXLHC đưa vào TGD; không áp dụng đối với đối tượng bị áp dụng BPXLHC GDTXPTT, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB.

5. Phụ lục thống kê số liệu kết quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (từ 2020-2025).

	Bộ, ngành, địa phương	Phổ biến pháp luật trực tiếp tính trung bình trong giai đoạn 2020 đến năm 2025		Thi tìm hiểu pháp luật		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)	Số lần phát sóng chương trình PBGD PL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (tin, bài)	Chuyên trang, chuyên mục về pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng (đề nghị nêu rõ số lượng, tên chuyên trang, chuyên mục trên báo viết, báo điện tử, kênh sóng phát thanh, truyền hình)	Số lượng các văn bản, tài liệu được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số		Số lượng văn bản, tài liệu phục vụ công tác PBGDPL đã được số hóa, đăng tải trên các Cổng/Tra ng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý
		Số cuộc PBPL TT (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)					Số lượng văn bản	Tên loại văn bản	
	TRUNG ƯƠNG											
1.	Bộ Công an	28.076	3.953.840	199	303.253	953.950	92.891	148.995	1.265	0	0	
2.	Bộ Khoa học và Công nghệ	20	200									
3.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.411	96.937	03	827.017	354.385		10.721	51			1.078
4.	Bộ Quốc phòng	1.731	663.127	52	28.280			Trên 6.167	649	14.158		9.949
5.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02	300	1	1.015	300		629	1	0	0	649
6.	Ngân hàng Nhà	434	12.694	44	1.908	5.104						

⁴⁹ Bộ Quốc phòng: (i) Trang pháp luật QS-QP/Cổng Thông tin điện tử BQP; (ii) Chiến sĩ với pháp luật, kỷ luật/Chương trình phát thanh QĐND; (iii) Quân đội với công tác tuyên truyền PBGDPL/Chương trình phát thanh QĐND; (iv) Thư viện QP/Truyền hình QPVN; (v) Hỏi đáp pháp luật, CLB pháp luật/Báo QĐND; (vi) Hỏi – Đáp pháp luật QSQP/Bản tin pháp luật của Hội đồng phối hợp PBGDPL BQP.

	nước											
I I	ĐỊA PHƯƠNG											
1.	An Giang	19.495	859.286	185	117.505	672.009	3.448	58	16			34.397
2.	Bắc Ninh	4.432	823.576	308	369.086	815.818	62.683	1.570	18	2	Chính sách dân tộc, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, đất đai, dân sự, chương trình, đề án	1.108
3.	Cà Mau	607	555.583	37	268.663	2.355.675	5.270	7.299	1.878			2.460
4.	Cần Thơ	24.941	1.090.373	359	253.614	1.000.292		6.937				
5.	Cao Bằng	5.206	430.232	326	63.798	27.697	62	2.166	99850			110
6.	Đà Nẵng	Không có số liệu										
7.	Đắk Lắk	6.144	730.718	185	138.905	1.585.907						48.042
8.	Điện Biên	7.639	439.430	8	5.193	176.547						
9.	Đồng Nai	17.240	1.414.545	263	1.250.738	2.351.928	65.706 (giờ)	1.967	7.01051			26.010
10.	Đồng Tháp	2.929	901.675	57	103.899	1.146.879	27.456	751	10052			
11.	Gia Lai	19.096	1.805.189	320	290.286	1.260.196	9.168	10.028	1853	4.212		14.536

⁵⁰ Cao Bằng: Chuyên mục Pháp luật và cuộc sống; Chính sách thuế và cuộc sống; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

⁵¹ Đồng Nai: Gồm các chuyên mục “An ninh Đồng Nai”; “Pháp luật cho mọi người” với 04 phóng sự, 03 chuyên mục, 01 tin và 27 phim tài liệu; Chương trình “Tư vấn pháp luật” phát sóng lúc 18h00 thứ Ba hàng tuần; Chương trình “Môi trường và cuộc sống”; Chương trình “Đồng hành cùng nông dân”; “Pháp Luật hôm nay”, “Hỏi- đáp pháp luật”, “Phổ biến giáo dục pháp luật”, “Tư vấn pháp luật”, “Câu chuyện pháp luật”; Tiếng nói người dân; “Hỏi đáp cử tri”; chương trình “Đồng Nai – Hành trình đổi mới”; “Pháp luật hôm nay”; Chuyên mục “Đại đoàn kết toàn dân tộc”;

⁵² Đồng Tháp: Gồm Chương trình tọa đàm trực tiếp “Pháp luật với đời sống” trên sóng truyền hình (12 kỳ); chuyên mục “Chính sách pháp luật” trên sóng phát thanh (52 kỳ) Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang; chuyên mục “Thực thi Hiến pháp” (24 tin, bài) trên Báo Ấp Bắc

⁵³ Gia Lai: Các chuyên trang, chuyên mục, bao gồm: Pháp luật – An ninh; Thời sự; Tòa soạn và Bạn đọc; Pháp luật và Đời sống; Hộp thư truyền hình; Tiếp chuyện bạn nghe đài; An ninh Bình Định; Quốc phòng toàn dân Bình Định; Vì chủ quyền an ninh biên giới biển đảo; Vì sức khỏe mọi người; Dân hỏi - Cơ quan nhà nước trả lời; Cải cách hành chính; Giải đáp pháp luật; An ninh - trật tự; Xây dựng Đảng - Chính quyền; Xã hội: Thời sự; Tiếp chuyện bạn nghe đài.

12.	Hà Nội	7.113	1.416.706	67	955.934	4.152.054						54.922
13.	Hải Phòng	1.212	303.042	3	17.500	2.100.000	1.567	1.247	11			52
14.	Hà Tĩnh	5.058	699.024	52	392.154	588.164	5.884	16.142	255	1.200	Tài liệu, tờ gấp, hỏi đáp, tình huống	16.142
15.	Hồ Chí Minh	36.571	3.157.040	1.156	830.486	9.136.670		13.321	1.16354			
16.	Huế	4.434	329.779	35	64.333	554.289	397	161	16			5.265
17.	Hưng Yên	3.468	333.731	83	73.486	1.317.891	23.280	1.832	7			8.864
18.	Khánh Hòa	8.921	950.210	64	53.828	107.688	59.966	12.515				
19.	Lạng Sơn	11.945	1.039.215	43	363.227	1.045.330	242	4.340	578			212
20.	Lào Cai	17.978	1.525.055	74	107.864	361.605	2.274	2.768	4455			26.240
21.	Lai Châu	Không có số liệu										
22.	Lâm Đồng	8.137	840.132	231	331.428	1.248.953	34	9.990	4456			8.280
23.	Nghệ An	10.142	231.918.854	447	1.435.390	982.602	63.809					
24.	Ninh Bình	2.301	274.831	8	70.789	268.372	65.634					
25.	Phú Thọ	12.343	1.380.523	525	746.114	488.729	83	1.622	133			134
26.	Quảng Ngãi	6.742	802.291	57	102.698	534.344		250	957			6.116
27.	Quảng Ninh	5.149	716.650	122	48.142	1.659.459		374	70558			21.545
28.	Quảng Trị	10.964	1.291.341	214	178.279	475.907	5.475	12.812	57			
29.	Sơn La	6.239	752.067	18	26.401	214.831	56.456	5.791	207			

54 Hồ Chí Minh: Gồm chương trình “Toàn dân phòng cháy chữa cháy”; “chuyên mục “Hãy nghe và cảnh giác”, chuyên mục “Trật tự đô thị”. “An toàn phòng chống cháy, nổ”; Chương trình “Vì trường học không ma túy”; Chương trình tiếng Khmer, tiếng Chăm, tiếng Hoa.

⁵⁵ Lào Cai: Gồm Chuyên mục “Nhà nước và pháp luật”, “Pháp luật và đời sống”, Bản tin “Chính sách pháp luật”, chuyên trang pháp luật nội chính

⁵⁶ Lâm Đồng: Gồm Chuyên mục tư vấn chính sách pháp luật (Báo Lâm Đồng online), Chuyên mục “Pháp luật với đời sống”, Bản tin tư pháp Đắk Nông.

⁵⁷ Quảng Ngãi: Gồm 4 chuyên mục trên sóng phát thanh truyền hình và 5 chuyên mục trên Báo in và Báo điện tử

⁵⁸ Quảng Ninh: Gồm Chương trình phát thanh trực tiếp tuyên truyền về luật giao thông; "Vấn đề bạn quan tâm" (truyền hình); "Trả lời đơn thư bạn nghe đài" Phát thanh; Lao động công đoàn (phát thanh); CT "Nhìn thẳng" (Truyền hình); CT Lao động và xã hội (Truyền hình); CT Dân tộc và miền núi; CT phát thanh trực tiếp tuyên truyền về luật giao thông;; CT "Vấn đề bạn quan tâm" (truyền hình); CT "Trả lời đơn thư bạn nghe đài" Phát thanh; CT Giao lưu - Đối thoại "Hiểu biết pháp luật - Giải pháp đảm bảo quyền lợi của người lao động" (Truyền hình - 30 phút); Chuyên mục “Hỏi đáp về bầu cử” (Truyền hình)...

30.	Tây Ninh	23.442	1.086.453	97	77.600	347.253	1.504	31.053	16			26.930
31.	Thái Nguyên	14.089	4.991.104	396	186.147	753.033	8.103	4.392	321	4.102	Tờ gấp, chương trình truyền hình, phát thanh	4.392
32.	Thanh Hóa	10.081	1.157.711	127	175.631	2.772.246	15.205	5.140	659			
33.	Tuyên Quang	27.659	2.084.271	397	152.988	605.854	16.058	30.674				30.674
34.	Vĩnh Long	60.765	1.745.407	181	97.053	1.477.040		269.340	460			7.306

⁵⁹ Thanh Hóa: Hộp thư truyền hình, An toàn giao thông 24h; Nhà nước và pháp luật: Phòng chống tham nhũng, Hỏi đáp pháp luật, Pháp luật và đời sống, Góc nhìn Luật sư; Phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý....

⁶⁰ Vĩnh Lng: Chuyên mục Pháp luật và đời sống (truyền thanh, truyền hình); chương trình tư vấn pháp luật – trực tiếp; Chuyên mục trả lời thư bạn nghe đài

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ PHÁP LUẬT MỘT SỐ NHÓM CHỦ THỂ NÒNG CỐT

1. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Nhóm nhận thức và ý thức thượng tôn pháp luật

- a) Nắm vững, cập nhật thường xuyên các chủ trương, đường lối, quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.
- b) Nhận thức rõ vai trò pháp luật trong quản lý Nhà nước, đặt lợi ích Nhà nước, tập thể và người dân lên trên lợi ích cá nhân.

1.2. Nhóm hành vi và chuẩn mực ứng xử trong thực thi công vụ

- a) Tuân thủ tuyệt đối quy trình: giải quyết công việc, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đúng thẩm quyền, trình tự và thời gian luật định.
- b) Minh bạch và trách nhiệm: Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong các quyết định hành chính, chịu trách nhiệm giải trình về các hành vi và quyết định của mình.
- c) Không nhũng nhiễu, tiêu cực, không tham nhũng, hách dịch, cửa quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.

1.3. Nhóm về trách nhiệm nêu gương

- a) Gương mẫu đi đầu, là tấm gương sáng trong việc sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.
- b) Tôn trọng và bảo vệ pháp luật.

1.4. Tác động lan tỏa trong xã hội

- Giao tiếp văn minh: tôn trọng, lắng nghe và hướng dẫn tận tình cho tổ chức, công dân khi thực hiện công vụ.
- Chủ động, tích cực PBGDPL, hướng dẫn người dân tuân thủ pháp luật.

2. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang

2.1. Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệnh, điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân. Ý thức tự giác chấp hành phải trở thành thói quen và chuẩn mực trong ứng xử hàng ngày của chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ.

2.2. Thể hiện tính tiên phong, gương mẫu đi đầu trong chấp hành pháp luật.

2.3. Thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật và ý thức kỷ luật cao: Tuyệt đối chấp hành các mệnh lệnh, không làm trái quy định, không vi phạm pháp luật.

2.4. Tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ pháp luật

Cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang không chỉ tuân thủ mà còn là lực lượng nòng cốt trong tham mưu chiến lược, tuyên truyền và hỗ trợ xây dựng môi trường tuân thủ pháp luật nói chung của toàn xã hội.

3. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan tiến hành tố tụng

3.1. Tuân thủ tuyệt đối Hiến pháp và pháp luật.

- a) Mọi hoạt động của cơ quan tư pháp phải tuân thủ tuyệt đối, nghiêm ngặt các quy định về thẩm quyền, trình tự và thủ tục tố tụng.
- b) Tôn trọng và bảo vệ quyền con người: Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các đương sự, bị can, bị cáo theo đúng tinh thần Hiến pháp và pháp luật.

3.2. Bảo đảm tính độc lập và khách quan trong xét xử.

- a) Cán bộ, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án.
- b) Khách quan, vô tư, tuyệt đối không chịu sự tác động, can thiệp trái pháp luật của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào; loại bỏ định kiến thiên vị hay vụ lợi cá nhân.

3.3. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

- a) Liên chính và minh bạch: thể hiện sự công tâm trong từng quyết định tố tụng, nói không với tiêu cực, tham nhũng.
- b) Tinh thần trách nhiệm cao: đề cao tinh thần phục vụ Nhân dân, giải quyết các vụ việc đúng thời hạn, không đùn đẩy hoặc né tránh trách nhiệm.

3.4. Tôn trọng đồng nghiệp và người tham gia tố tụng

- a) Ứng xử văn hóa: xây dựng môi trường giao tiếp chuyên nghiệp, văn minh trong cơ quan.
- b) Tác phong chuẩn mực: thái độ lịch sự, tôn trọng quyền bình đẳng trước pháp luật của những người tham gia tố tụng (luật sư, nguyên đơn, bị đơn...)

3.5. Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động

- a) Cải cách tư pháp: tích cực thực hiện các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước hướng tới sự chuyên nghiệp và hiện đại.
- b) Tích cực học tập: Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cập nhật các văn bản pháp luật mới để áp dụng chính xác, thống nhất.

4. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong Nhân dân

4.1. Tính chủ động và tự giác: Các tầng lớp Nhân dân chủ động, tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ pháp luật như một thói quen và chuẩn mực ứng xử hàng ngày.

4.2. Hiểu biết và ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật

Nắm vững quyền và nghĩa vụ cơ bản, tôn trọng tuyệt đối tính tối cao của pháp luật trong quản lý xã hội.

4.3. Trách nhiệm với cộng đồng: tham gia giám sát, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và góp ý, xây dựng các chính sách tại địa phương. Hòa giải các bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp thông qua hoạt động tố hòa giải cơ sở và trên tinh thần thượng tôn pháp luật, không ứng xử cảm tính, bóc lột cá nhân, xây dựng tình làng nghĩa xóm.

5. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong doanh nhân

5.1. Hiểu biết pháp luật: Chủ động tìm hiểu, cập nhật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại dịch vụ.

5.2. Thương tôn pháp luật: Coi việc tuân thủ pháp luật là trách nhiệm và là nền tảng sống còn của doanh nghiệp, không vì lợi nhuận mà lách luật hoặc thực hiện các hành vi gian dối, vi phạm pháp luật.

5.3. Minh bạch về tài chính và thông tin:

Xây dựng hệ thống quản trị rõ ràng, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và thực hiện đúng nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

5.4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, khách hàng và đối tác theo đúng hợp đồng và pháp luật.

5.5. Đạo đức kinh doanh song hành cùng pháp luật: bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, tham gia thị trường dựa trên chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tuyệt đối nói không với tham nhũng, hối lộ, trốn thuế hoặc độc quyền, ép giá.

5.6. Văn hóa ứng xử: đề cao uy tín và danh tiếng, giữ chữ tín trong mọi cam kết. Đây là tài sản vô giá tạo nên giá trị cốt lõi và bền vững của doanh nghiệp.

5.7. Trách nhiệm xã hội: Tuân thủ đạo đức cộng đồng, hoạt động kinh doanh luôn hướng tới sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực cho xã hội.

5.8. Gương mẫu và lan tỏa: Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật từ chính bản thân doanh nhân, từ đó lan tỏa xuống bộ máy quản lý và toàn thể nhân viên.

6. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật cho chức sắc và tín đồ tôn giáo

6.1. Nắm vững pháp luật

Chức sắc, tín đồ tôn giáo chủ động tìm hiểu, cập nhật, nắm rõ các quy định pháp luật liên quan đến quyền tự do, tín ngưỡng, quyền, nghĩa vụ công dân và các hoạt động, sinh hoạt tôn giáo để thực hiện đúng.

6.2. Ý thức tuân thủ pháp luật mọi lúc, mọi nơi:

- Chuyển hóa việc “phải tuân thủ” sang thành “văn hóa tuân thủ pháp luật” xem pháp luật là chuẩn mực ứng xử chung của xã hội.

- Chức sắc, tín đồ thực hiện tốt phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, “sống phúc âm giữa lòng dân tộc”, không để xảy ra vi phạm về truyền đạo, sinh hoạt tôn giáo trái phép hay xây dựng trái phép cơ sở thờ tự.

6.3. Đồng hành cùng dân tộc

Tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ an ninh tổ quốc và các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

6.4. Trách nhiệm nêu gương, tham gia hỗ trợ PBGDPL

- Các chức sắc tôn giáo nêu gương sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật để tín đồ noi theo.

- Tích cực hỗ trợ địa phương trong công tác PBGDPL với tín đồ tôn giáo.

7. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số

7.1. Nhận thức và kiến thức pháp luật:

- Hiểu biết quyền và nghĩa vụ cơ bản các luật liên quan đến đời sống thiết thân của đồng bào dân tộc thiểu số (Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật liên quan đến bảo vệ rừng, an ninh trật tự, tín ngưỡng tôn giáo...).

- Không nghe theo luận điệu xuyên tạc hoặc mê tín, hủ tục.

7.2. Ý thức tự giác chấp hành:

Chủ động thực hiện các quy định pháp luật trong đời sống hàng ngày mà không cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế, bắt buộc.

7.3. Hành vi ứng xử chuẩn mực: Giải quyết mâu thuẫn tranh chấp trong cộng đồng theo đúng hương ước, quy ước, tập quán tốt đẹp và pháp luật của Nhà nước, bài trừ các tập tục lạc hậu.

7.4. Phát huy vai trò nêu gương của người có uy tín

Người có uy tín (già làng, trưởng bản,...) gương mẫu tuân thủ pháp luật và tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số làm theo.

8. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật cho thanh, thiếu niên

8.1. Nhận thức pháp lý vững vàng:

- Nắm vững quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Hiểu rõ các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến lứa tuổi (Luật Giáo dục, Luật Thanh niên, Luật Giao thông, Luật An ninh mạng, Bộ luật Hình sự...).

8.2. Thái độ tôn trọng pháp luật:

- Tin tưởng vào tính nghiêm minh và công lý của pháp luật

- Ủng hộ các hành vi tuân thủ pháp luật và lên án các hành vi vi phạm pháp luật, biểu hiện lệch chuẩn, sai trái về pháp luật.

8.3. Hành vi tuân thủ tự nguyện: thể hiện bằng việc tự giác thực hiện đúng các quy định pháp luật, thay vì đối phó hoặc sợ hãi hình phạt.

8.4. Tham gia tuyên truyền tích cực: Trở thành lực lượng nòng cốt lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật đến cộng đồng và bạn bè trong cùng lứa tuổi.

9. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong công nhân và người lao động

9.1. Hiểu đúng, đủ pháp luật

Công nhân, người lao động nắm vững quyền, nghĩa vụ công dân, các quyền, nghĩa vụ cơ bản của mình quy định trong Bộ luật Lao động.

9.2. Cập nhật kiến thức: Thường xuyên tiếp cận, cập nhật thông tin về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, Luật An toàn vệ sinh lao động... để thực hiện đúng và tự giác.

9.3. Thực hiện đúng cam kết: tuân thủ triệt để đúng, đủ các điều khoản trong hợp đồng lao động và nội quy lao động của doanh nghiệp.

9.4. Chủ động bảo vệ quyền lợi: đấu tranh và phản ứng đúng pháp luật trước các hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

9.5. Ứng xử văn minh: chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, tôn trọng nội quy, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và đồng nghiệp.

9.6. Tôn trọng cộng đồng: giải quyết các tranh chấp lao động thông qua các kênh đối thoại, thương lượng tập thể (tổ chức công đoàn) hoặc pháp luật thay vì hành vi tự phát trái pháp luật (đình công, lãn công trái pháp luật).

9.7. Tuân thủ tuyệt đối quy định về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định pháp luật và quy chế doanh nghiệp đề ra.

9.8. Lan tỏa giá trị thượng tôn pháp luật:

- Xây dựng lối sống lành mạnh, không tham gia, tiếp tay cho các tệ nạn xã hội, hoạt động tín dụng đen hay xuất nhập khẩu lao động trái phép.
- Gương mẫu chấp hành pháp luật về an toàn giao thông, trật tự công cộng và xây dựng gia đình văn hóa...

10. Tiêu chí xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong gia đình và dòng tộc

(đây là nền tảng để hình thành ý thức thượng tôn pháp luật toàn xã hội)

10.1. Tiêu chí cốt lõi trong gia đình

a) Gương mẫu của người lớn: ông, bà, cha, mẹ là tấm gương đi đầu trong chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để con cháu noi theo.

b) Thực hiện nghĩa vụ công dân: Thực hiện đúng, đủ các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định pháp luật.

c) Tuân thủ hôn nhân và gia đình:

Thực hiện đúng quy định pháp luật về hôn nhân gia đình, chính sách dân số, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của trẻ em, của người cao tuổi trong nhà.

d) Giáo dục pháp luật, xây dựng gia phong:

Giáo dục các thành viên gia đình có ý thức tuân thủ pháp luật, không xa vào tệ nạn xã hội, giữ gìn gia phong, nề nếp tốt đẹp “lễ, phép, tôn kính ông bà, cha mẹ, tổ tiên”.

10.2. Tiêu chí phát huy vai trò của dòng tộc

a) Gắn kết pháp luật và gia phong (gia huấn): Dòng họ lồng ghép các quy định pháp luật cốt lõi vào hương ước, gia phả, gia phong để giáo dục, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật tạo nề nếp, gia giáo cho dòng tộc.

b) Giải quyết tốt từ sớm ngay từ khi mới phát sinh các mâu thuẫn nội bộ trong dòng tộc, không để rạn nứt tình cảm trong dòng tộc, tránh mâu thuẫn xung đột vượt quá giới hạn, phải xử lý bằng pháp luật.

c) Tuyên dương người giám sát

Hình thành phong trào khuyến học, vinh danh thành viên trong dòng họ đồng thời nhắc nhở, khuyên dạy, phê bình những hành vi vi phạm gia phong, quy định pháp luật.